CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI HAITONG (VIỆT NAM)
GUOTAI HAITONG SECURITIES (VIETNAM) CORP.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

MOBILE TRADING SYSTEM

PHIÊN BẢN 3.5.0

手机版交易指引

3.5.0 版本

MỤC LỤC

A. HƯỚNG DẪN TẢI ỨNG DỤNG Mobile Trading System 手机版交易下载指引 1

Tải ứng dụng cho nền tảng iOS (iPhone, iPad) 对于 IOS 软件 1

B. ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN CÔNG NGHỆ eKYC 线上开户注册 2

C. QUẢN LÝ DANH MỤC 监察列表 8

I. Danh mục quan tâm 自选股 8

1.1 Danh mục sở hữu 持有股票代码 8

1.2 Danh mục khác 其他选项 8

II. Danh mục tài sản 资产 12

2.1 Tài sản tổng quan 总览 12

D. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG 市场分析 14

I. Tổng quan thị trường 总览 14

Thông tin chỉ số 指数 15

1.1 VN Index 15

1.2 Chỉ số VN30 / VN30 指标 16

1.3 HNX Index、 HNX 指数 18

1.4 UPCOM Index、 UPCOM 指标 19

II. Thông tin cổ phiếu 股票 20

2.1 Tổng quan giao dịch 交易总览 20

2.2 Sự kiện 事件 21

2.3 Lịch sử giá 21

E. GIAO DỊCH LỆNH MUA/BÁN CHỨNG KHOÁN 下单 22

a. Lệnh Mua/Bán 买卖订单指令 22

b. Sổ lệnh và Hủy/Sửa lệnh 订单记录和订单取消/修改 23

F. SẢN PHẨM DỊCH VỤ GIAO DỊCH KHÁC 其他服务 24

a. Lệnh đặt trước 预埋单 24

1. Đặt lệnh đặt trước 下预埋单 24

2. Sổ lệnh đặt trước 预埋单记录 25

b. Đăng ký bán lô lẻ 碎股出售登记 27

c. Lịch sử lệnh 订单记录 29

d. Xác nhận phiếu lệnh 确认订单 32

e. Chuyên khoản CK nội bộ 内部证券转账 34
f. Đăng ký mua CK phát hành thêm 增发股认购 36
g. Thông tin quyền 股权信息 39
h. Yêu cầu rút tiền 提款请求 41
i. Chuyển khoản tiền nội bộ 内部资金转账 44
j. Ứng trước tiền bán chứng khoán 证券预提款 48
k. Hoàn trả hợp đồng vay ký quỹ 融资合同偿还 51
l. Gia hạn hợp đồng ký quỹ 融资合同续签 54
m. Sao kê giao dịch 交易记录 57
o. Cài đặt ứng dụng 应用设置 59
p. Về chúng tôi 关于我们公司 64

A. HƯỚNG DẪN TẢI ỨNG DỤNG Mobile Trading System 手机版交易下载指引

Tải ứng dụng cho nền tảng iOS (iPhone, iPad) 对于 IOS 软件

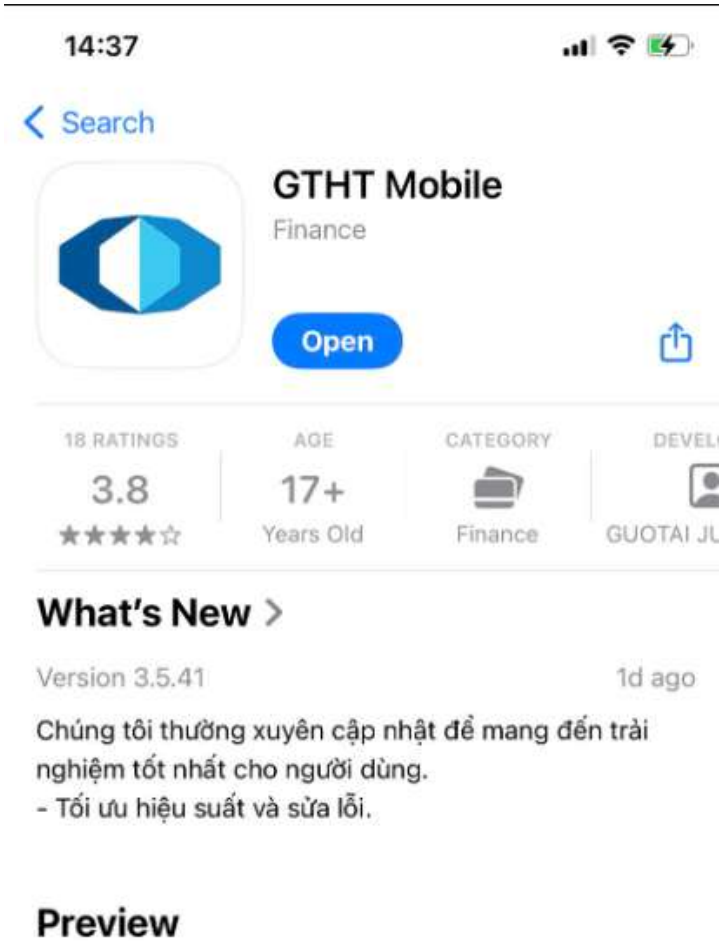

Bước 1: Lên kho ứng dụng Apple/ CHPlay của google tìm kiếm tên ứng dụng" GTHT Mobile"

第一步：进入 Apple Store 搜素 "GTHT Mobile"

Bước 2: Click vào nút "Tải về" để cài đặt ứng dụng

第二步： 点击"下载"以安装该应用。

Bước 3: Cài đặt hoàn tất chọn icon biểu tượng ứng dụng mở ứng dụng. Chú ý chọn "Cho phép" ứng dụng gửi tin nhắn. Với việc này ứng dụng sẽ gửi thông báo biến động số dư, lệnh khớp, …

第三步：安装完成，点击打开应用的图标。 注意选择"允许"该应用发送消息。 有了这个，应用将发送余额波动通知，订单匹配等信息

B. ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN CÔNG NGHỆ eKYC 线上开户注册

Thời gian qua chúng tôi đã nghiên cứu và phát triển tích hợp công nghệ nhận diện hình ảnh, khuôn mặt giúp Quý khách đơn giản hóa trong thủ tục đăng ký mở tài khoản trực tuyến. Sau khi thực hiện khoảng 02 phút, Quý khách sẽ có ngay tài khoản giao dịch tại GTHT (VIỆT NAM). Quý khách cần chuẩn bị căn cước công dân để thực hiện mở tài khoản.

在过去的时间里，我们已经研究和开发了集成的图像和人脸识别技术，以帮助您简化注册程序以开立在线账户。 大约 02 分钟后，您将立即在 GTHT (VIỆT NAM) 拥有一个交易账户。 您需要准备身份证才能开户。

<table>
<tr>
<td> 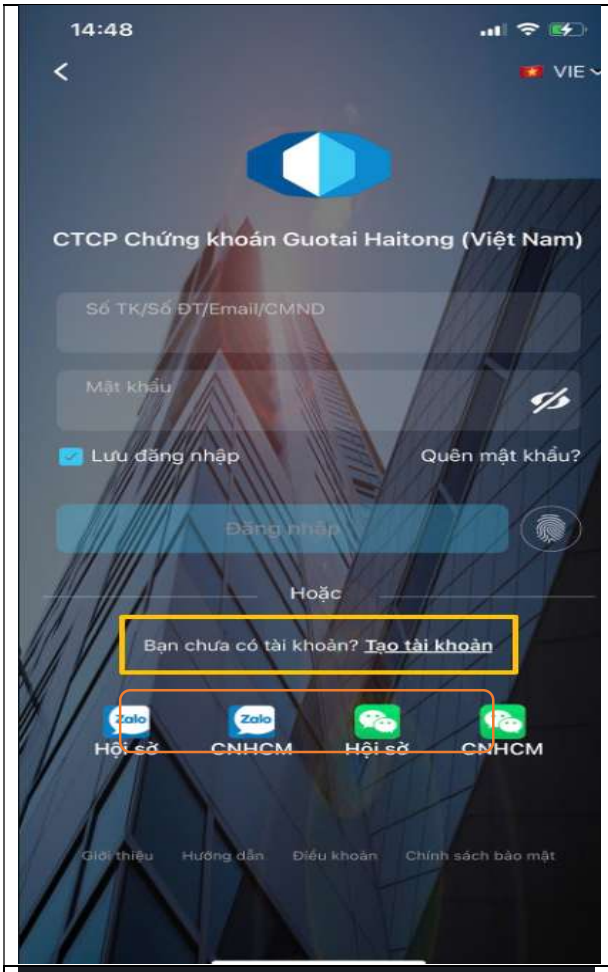
</td>
<td>Bước 1: Mở ứng dụng Quý khách chọn “Dịch vụ” sau đó chọn “Đăng nhập” sẽ xuất hiện hình ảnh như bên cạnh.
第一步：打开手机版交易应用，点击“服务”然后 点击“登录”，屏幕上会显示像左边图片一样。
Bước 2: Click vào “Tạo tài khoản” để thực hiện mở tài khoản mới bằng cách nhập SĐT của Quý khách sau đó nhấn nút “Tạo tài khoản”.
第 2 步：点击“注册账户”，输入您的电话号码以注册账户，然后点击“注册”</td>
</tr>
<tr>
<td> 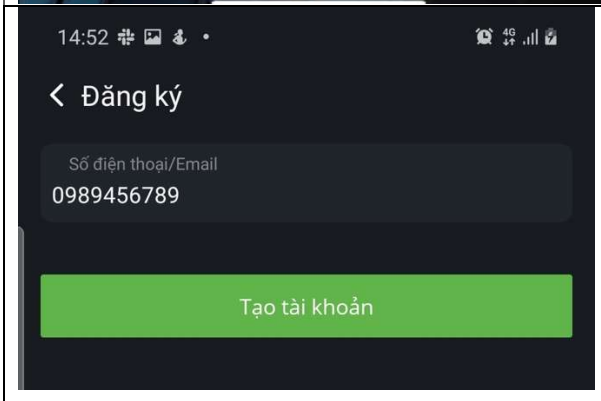
</td>
<td>Bước 3: Nhập số điện thoại hoặc email cần đăng ký và touch “Tạo tài khoản”
Hệ thống sẽ gửi mã OTP về số điện thoại hoặc email đã đăng ký
第三步： 输入需要注册的手机号码以及电子邮件并点击“注册”</td>
</tr>
</table>

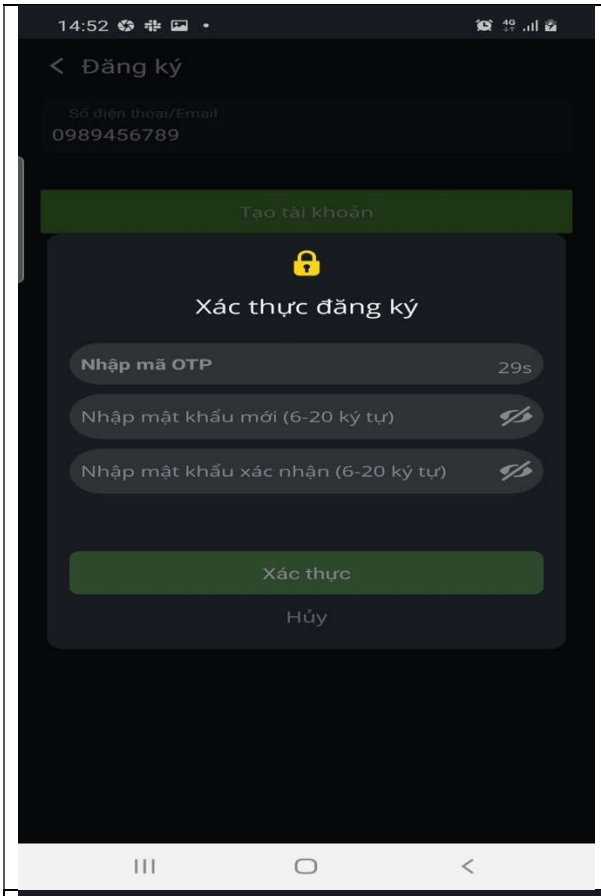

Bước 4: Hệ thống sẽ gửi OTP theo SĐT nhập bước số 2, Quý khách chờ 5-10s sẽ nhận được tin nhắn số OTP mà GTHT (VIỆT NAM) gửi. Sau đó nhập lại số OTP này vào ô nhập trên ứng dụng để xác nhận và Nhập thông tin mật khẩu cho tài khoản sử dụng.

第四步： 系统通过第二步所输入的电话号码发送验证代码，您稍等 5-10 秒将受到含验证代码的短信，将 OTP 代码在应用上输入并输入账户密码

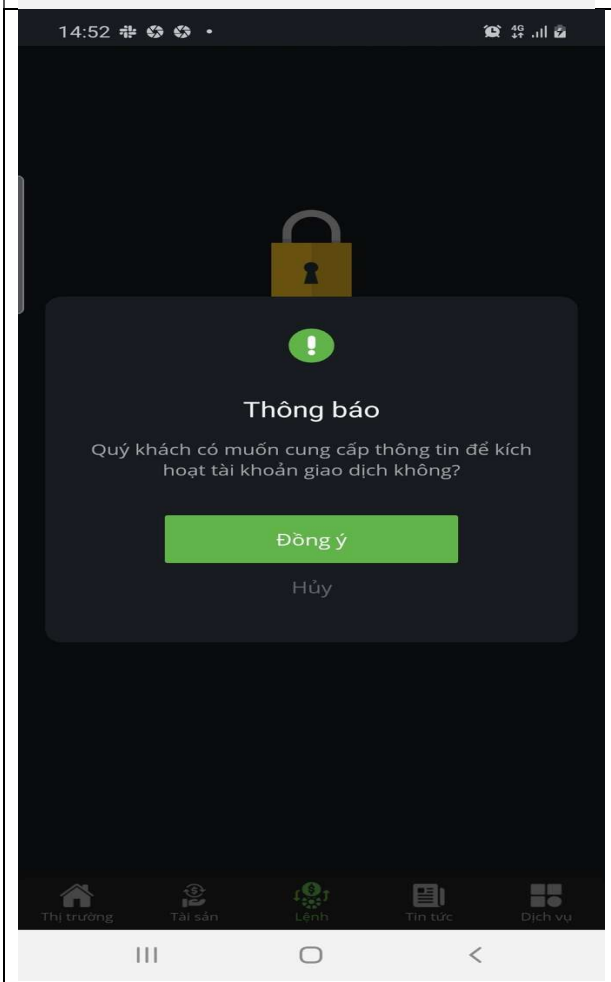

Bước 5: Hệ thống sẽ hỏi “Quý khách có muốn cung cấp thông tin để kích hoạt mở tài khoản giao dịch không”
Vui lòng chọn “Đồng ý” để tiếp tục

第五步：系统将自动通知“您是否想提供信息以激活交易账户”， 请先择“是”以继续操作

Bước 6: Đọc kỹ nội dung hướng dẫn và chuẩn bị giấy tờ cần xác thực

第六步：仔细读指引内容并准备验证资料

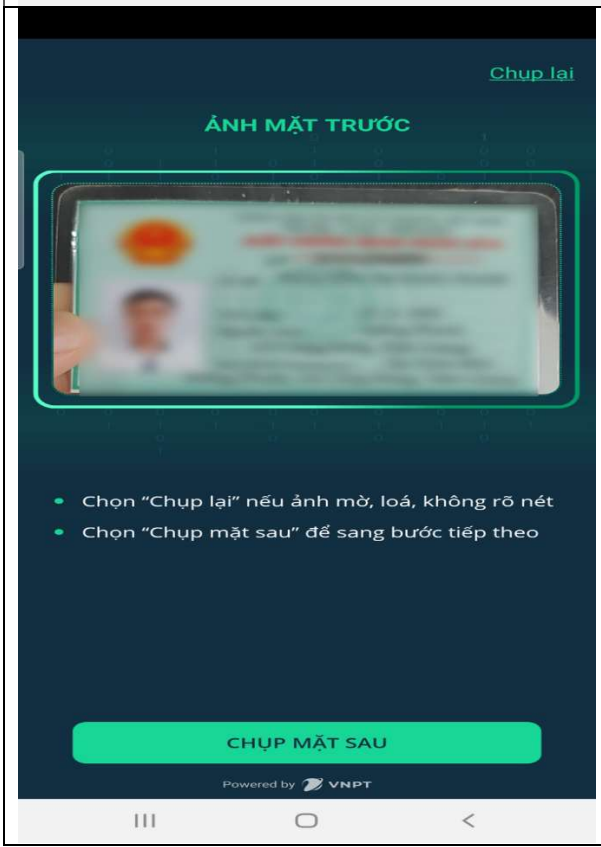

Bước 7: Làm theo hướng dẫn để xác thực thông tin giấy tờ mặt trước

第 7 步：按照指引进行验证身份证前面

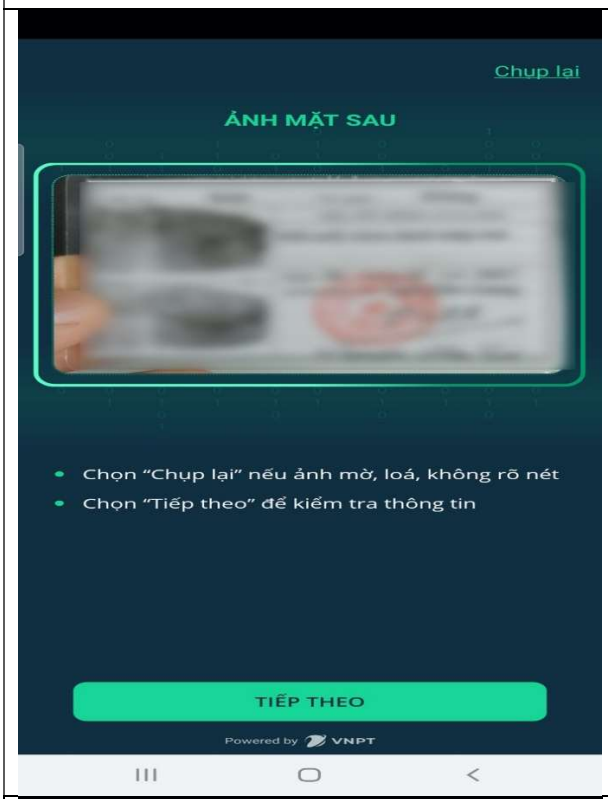	**Bước 8:** Làm theo hướng dẫn để xác thực thông tin giấy tờ mặt sau 第 8 步：按照指引进行验证身份证后面
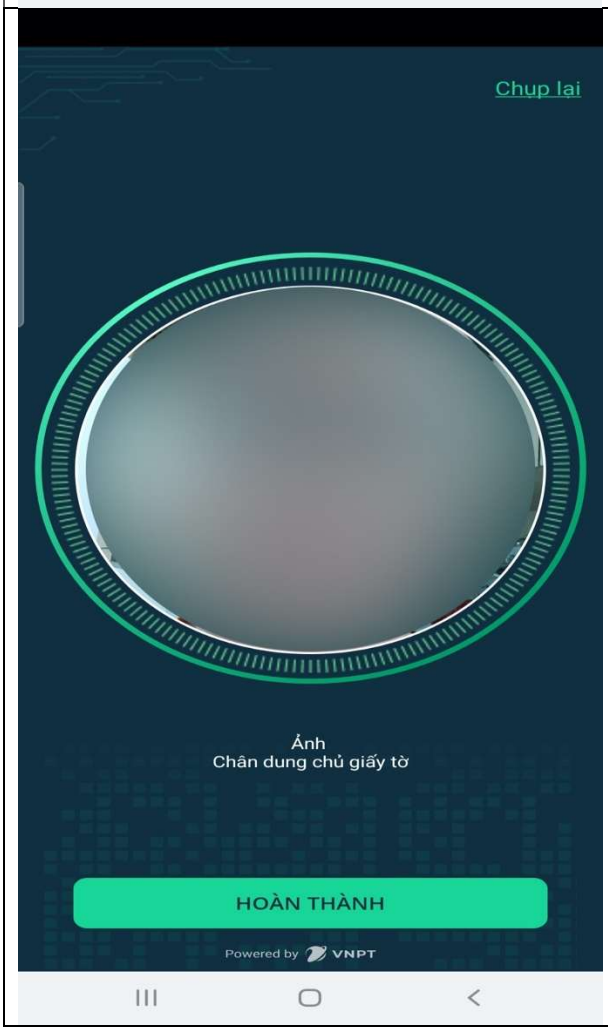	**Bước 9:** Làm theo hướng dẫn để xác thực thông tin khuôn mặt 第 9 步：按照指引进行人脸识别验证

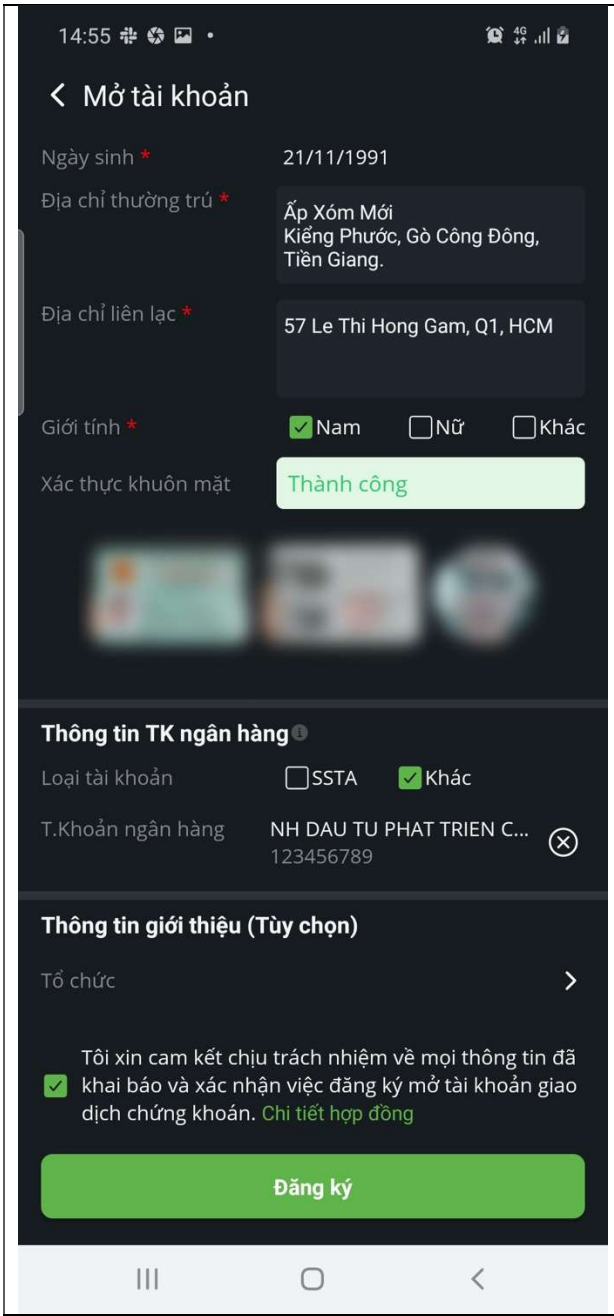

Bước 10: Hệ thống kiểm tra sinh trắc học hoàn thành sẽ thông báo "Thành công" Và ở bước cuối này Quý khách vui lòng điền đủ thông tin:
第 10 步：系统检查通知"成功"，客户继续输入信息

- **Email**: Hệ thống sẽ gửi email hợp đồng mở tài khoản
  邮箱：系统将通过邮箱发送开户合同
- **Địa chỉ liên lạc:** Khi cần CTCK gửi hồ sơ cho Quý khách
  联系地址：需要时候，公司可以发送文件
- Đọc kỹ nội dung điều khoản và đánh dấu tích vào để xác nhận
  仔细读条款内容并点击确认

Touch vào "Đăng Ký" để hoàn thành thủ tục.
Quý khách sẽ nhận được thông báo sau đó (3-5s) về kết quả thực hiện này.

点击"登记以完成登记手续
您将在 3-5 秒钟收到关于开户结果的通知

- Sau khi đăng ký mở tài khoản thành công, Quý khách cần kiểm tra lại email của mình, GTHT (VIỆT NAM) sẽ gửi hợp đồng về email mà Quý khách đã đăng ký trước đó (Sau 02 phút). Quý khách cần kiểm tra lại toàn bộ nội dung hợp đồng và thông tin có trên hợp đồng.
  成功注册开户后，您需要再次查看您的邮箱，国泰君安会将合同发送到您之前注册的邮箱（02 分钟后）。 您需要检查合同的全部内容以及合同中包含的信息
- Sau đó Quý khách vui lòng in bản cứng, ký và xác nhận lại hợp đồng gửi về GTHT (VIỆT NAM) theo địa chỉ: **Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Juanan(Việt Nam)**, Địa chỉ: **P9-10, Tầng 1, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội**
  之后，请打印纸质版，签署、确认合同并发送至国泰君安（越南），地址：Guotai Juanan Securities Joint Stock Company (Vietnam)，地址：P9-10, 1st Floor, Charmvit Tower, 117 Tran Duy Hung， Yen Hoa， Hanoi

- Nếu trong vòng 10 ngày làm việc, nếu Quý khách không bổ sung bản cứng với chữ ký xác nhận, GTHT (VIỆT NAM) sẽ đóng tài khoản Quý khách đã mở trước đó.
  如果在 10 个工作日内，您没有发送带有签字确认的纸质版，GTHT (VIỆT NAM)将关闭您之前开设的账户
- Mọi chi tiết vui lòng liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của GTHT (VIỆT NAM)
  更多详情请联系 GTHT (VIỆT NAM)（Vietnam）

C. QUẢN LÝ DANH MỤC 监察列表

I. Danh mục quan tâm 自选股

1.1 Danh mục sở hữu 持有股票代码

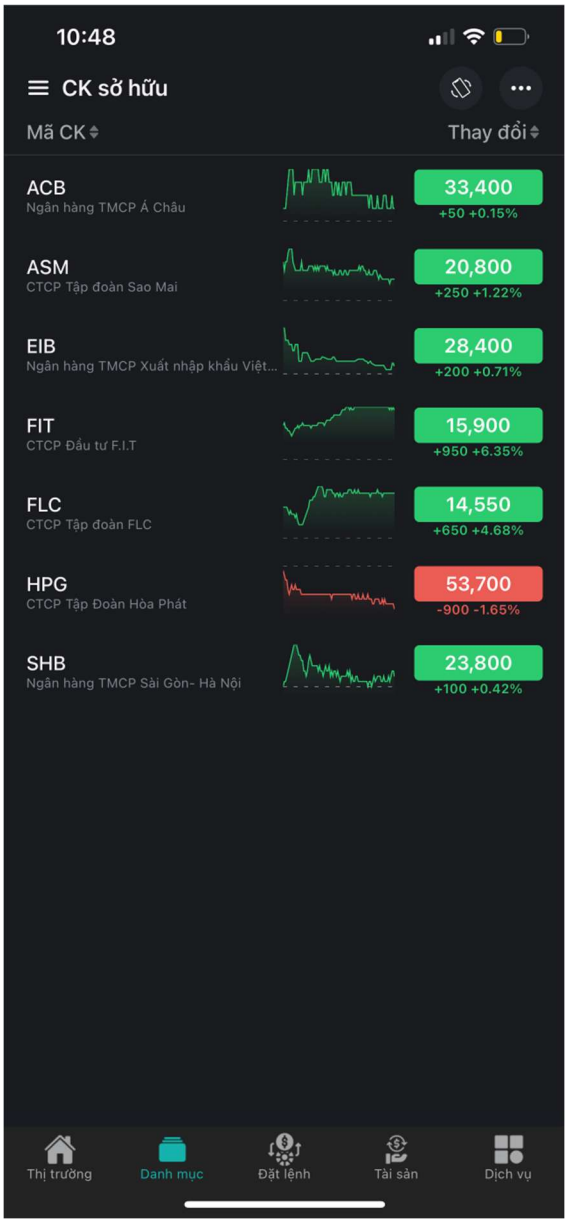

Sau khi đăng nhập, nếu tài khoản của bạn đang sở hữu chứng khoán thì ứng dụng sẽ hiển thị danh mục "CK sở hữu" ở tab Thị trường

登录后，如果您的账户当前拥有证券，应用程序将在“市场”选项中显示“持有股票代码”列表

Nhà đầu tư có thể thực hiện các hành động trên Header

投资者可以在 Header 执行操作

- Sắp xếp danh mục theo mã CK

  按股票代码进行排序

- Sắp xếp danh mục theo Thay đổi %

  按百分比变化进行排序

- Xem bảng giá nằm ngang

  横着查看股价版

1.2 Danh mục khác 其他选项

<table>
<tr>
<td>
</td>
<td>Để quản lý danh mục đầu tư, nhà đầu tư chọn menu ☰ để xuất hiện menu

为了管理监察列表，投资者点击☰将显示如下：

 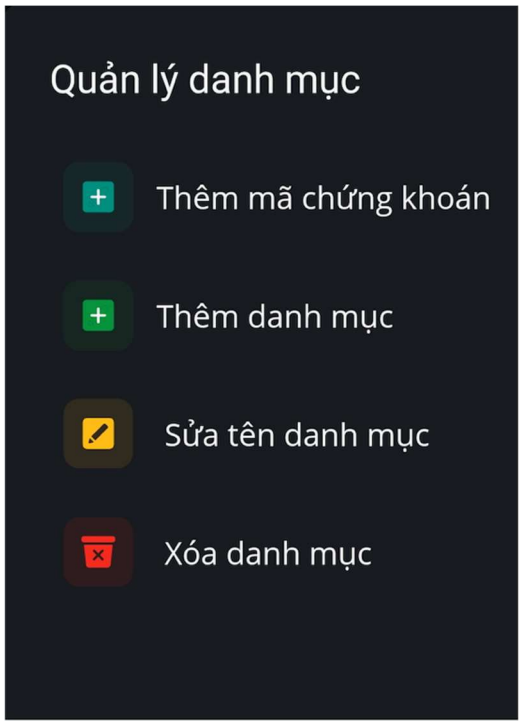

Nhà đầu tư có thể chọn

投资者可以选择：

- Thêm mã chứng khoán vào danh mục

添加股票代码

- Thêm danh mục đầu tư mới

添加组分

- Sửa tên danh mục đang chọn

修改收藏夹名称

- Xóa danh mục đang chọn

删除股票组合</td>
</tr>
<tr>
<td>Tạo danh mục đầu tư mới</td>
<td>Chọn icon ☰ và chọn “Thêm danh mục”</td>
</tr>
</table>

创建新投资组合 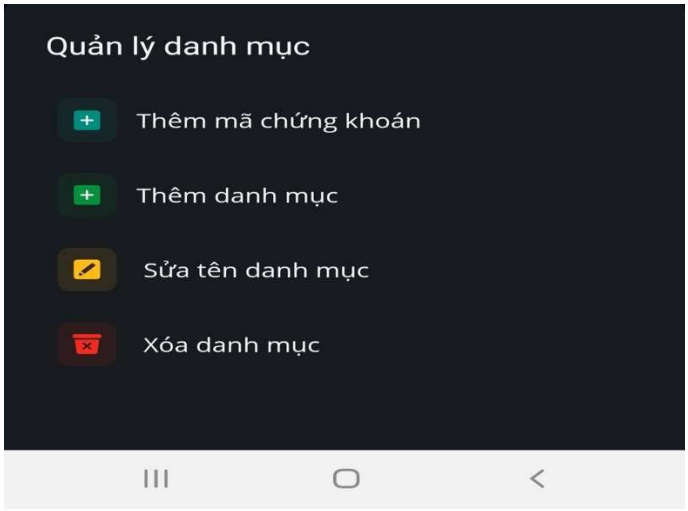 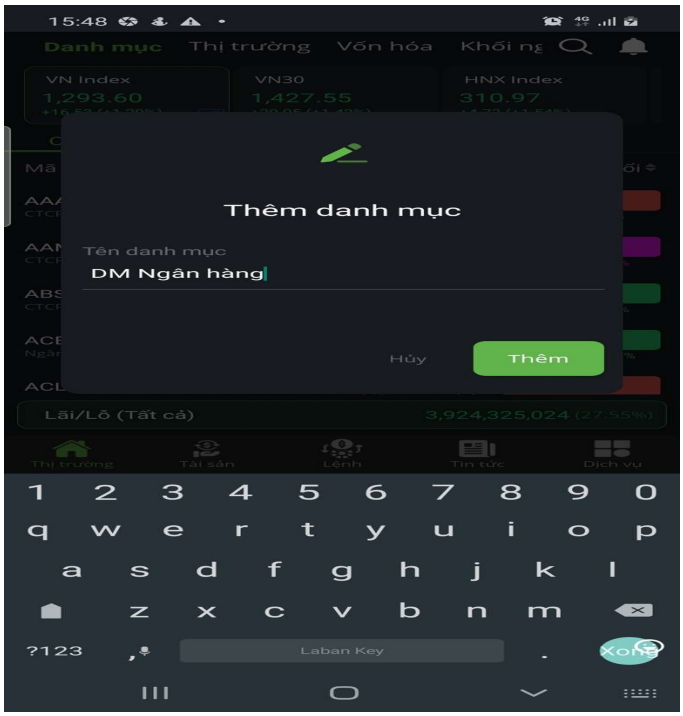 	点击 并选择“添加组分” Nhập “Tên danh mục” và touch button “Thêm” để tạo danh mục mới 输入“组分名称”并点击“添加”已完成创新操作
Sửa tên danh mục 修改收藏夹名称	Chọn icon và chọn “Sửa tên danh mục” 点击 并选择“修改收藏夹名称” Nhập tên danh mục mới cần sửa và touch butotn “Lưu lại” 输入新名称并点击“保存”

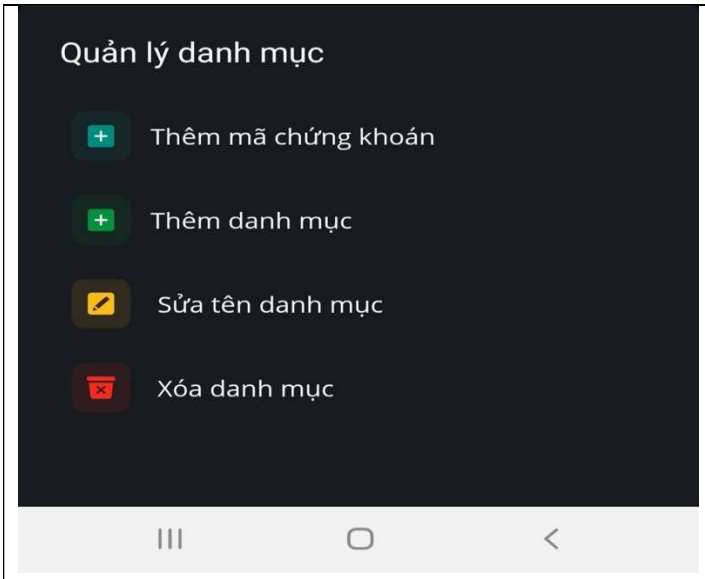

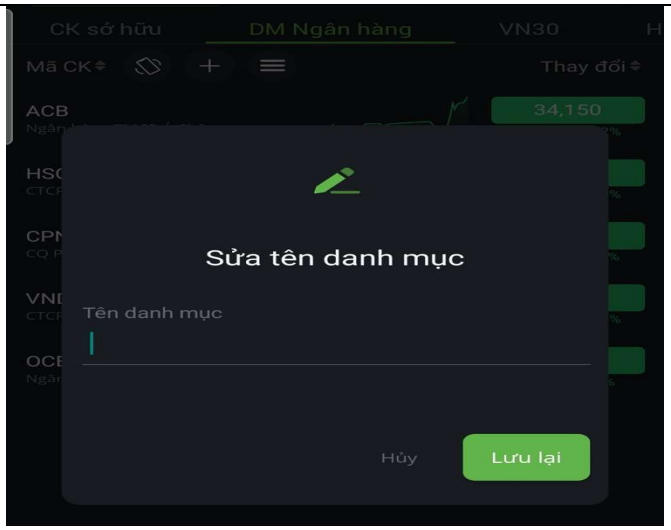

Xóa danh mục hiện tại

删除股票组合

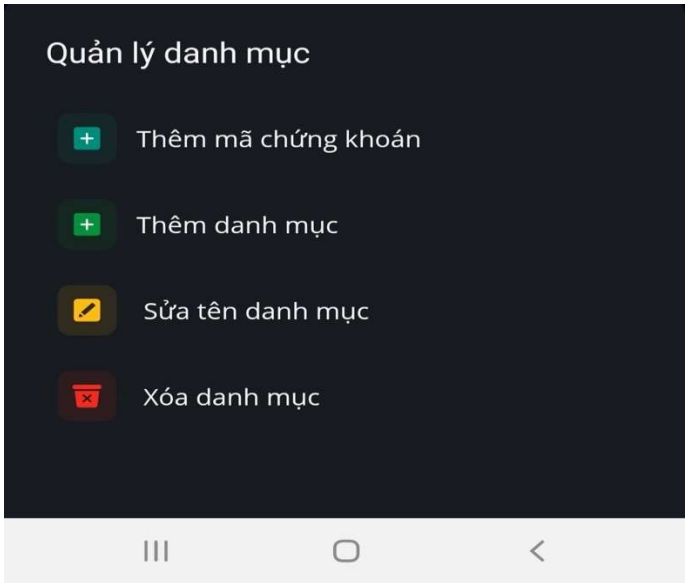

Chọn icon và chọn “Xóa danh mục”

点击 并选择“删除股票组合”

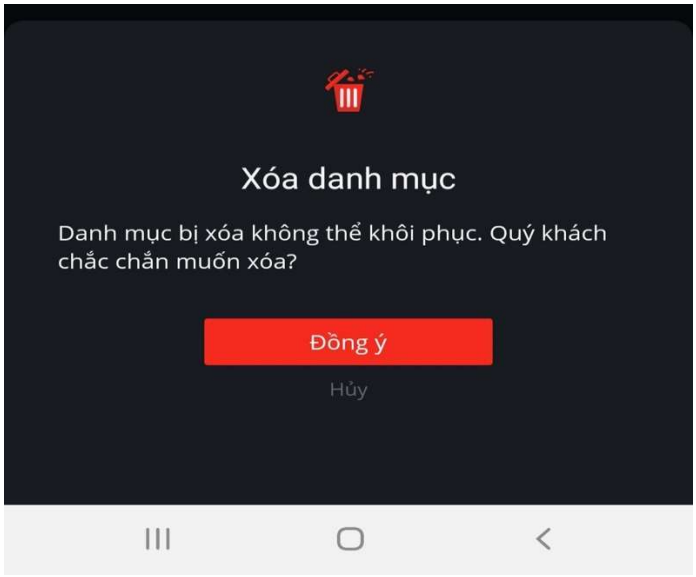	Chọn button “Đồng ý” để xóa danh mục 点击“是”以完成删除

II. Danh mục tài sản 资产

2.1 Tài sản tổng quan 总览

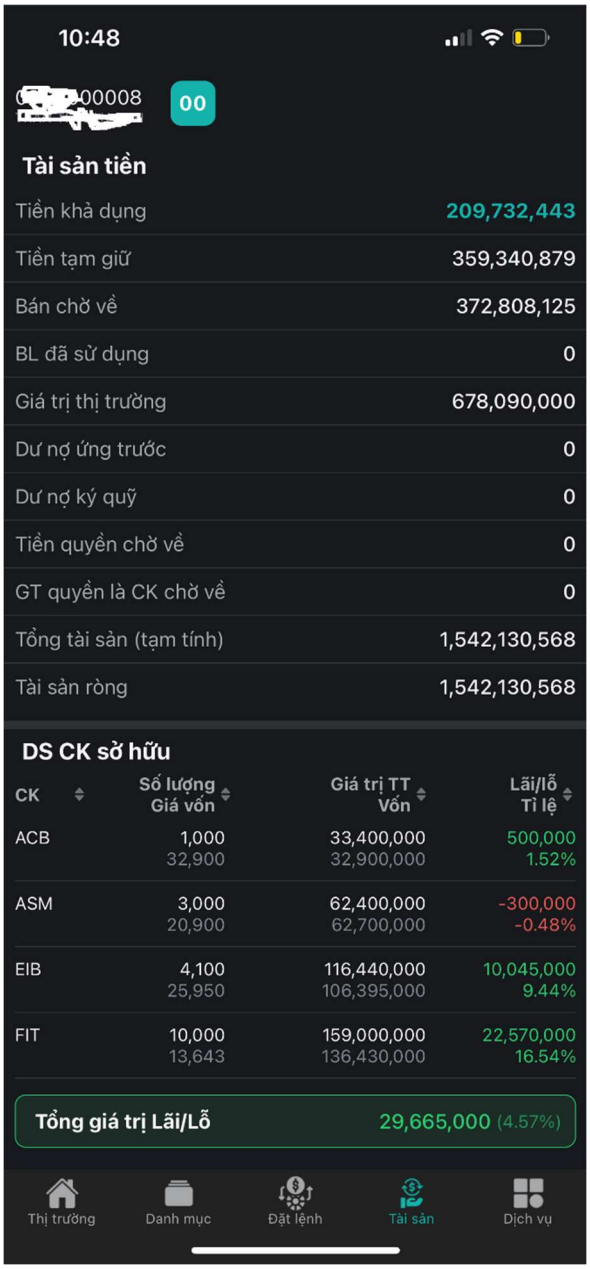

Chọn tab tài sản để xem thông tin tài sản

点击 “资产”以查看你的资产

Nhà đầu tư có thể chọn ALL để xem tài sản tổng hoặc có thể chọn xem tài sản từng tiểu khoản

投资者可以选择全部查看总资产，也可以选择按子账户查看资产

Chọn icon để chuyển đổi qua lại giữa chế độ xem dữ liệu biểu đồ và dữ liệu số liệu

点击 “ ” 图标以在图表和数据之间转换的查看制度。

Chọn icon để lấy lại thông tin tài sản

点击 “ ” 图标以更新资产信息

Touch vào header để sort tài sản với giá trị cột tương ứng

点击 “ ” 以查看相应的列值和资产

Touch vào mã cổ phiếu để chuyển sang màn hình chi tiết cổ phiếu

点击股票代码以切换到股票详细信息屏幕

D. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG 市场分析

I. Tổng quan thị trường 总览

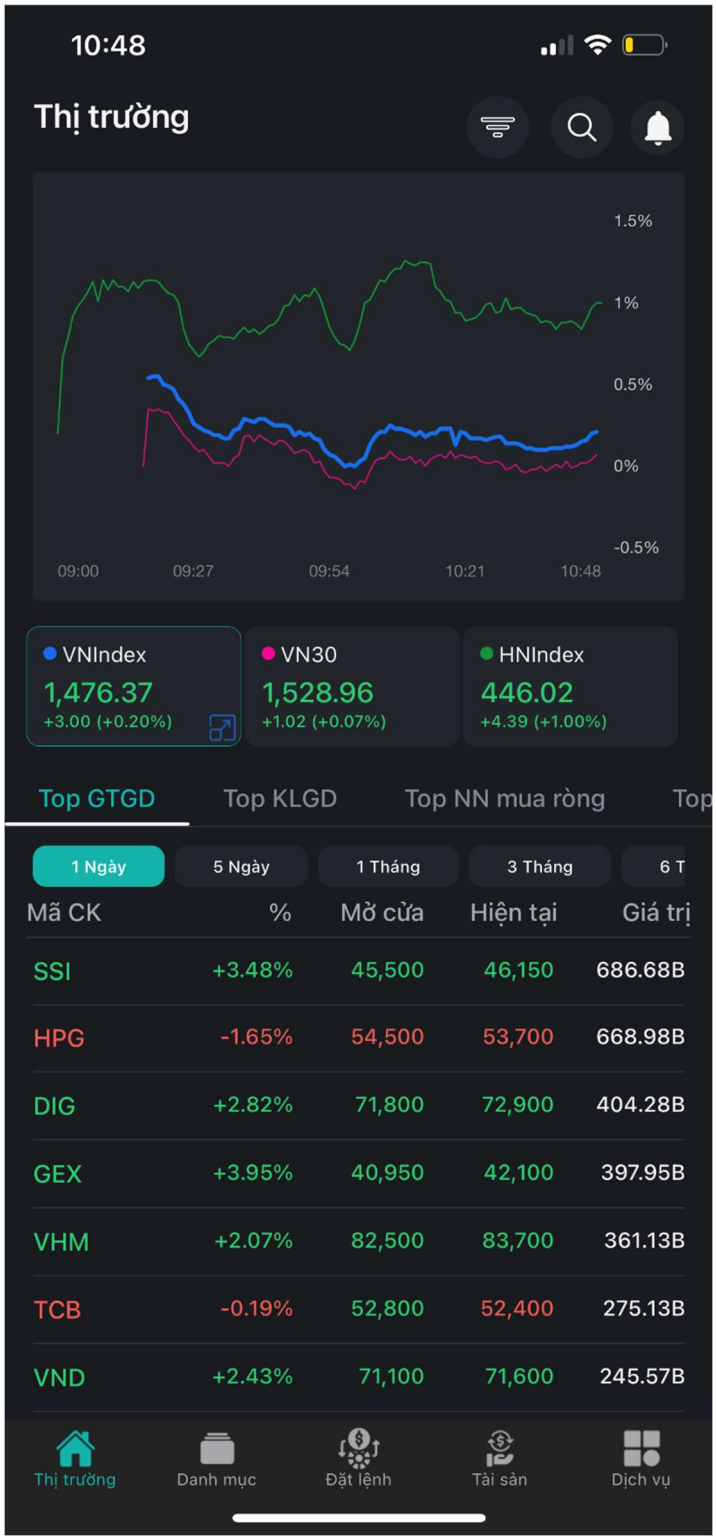

Bao gồm 包括

- Top GTGD

  交易额前股票

- Top KLGD

  交易量排名前股票

- Top NN mua ròng

  外资购买前股票

- Top tăng giá

  涨幅前股票

- Top giảm giá

  跌幅前股票

Thống kê theo khoảng thời gian

按时间段统计：

1D, 5D, 1M, 3M, 6M, 1Y, 2Y, 3Y

Touch vào header để sort theo giá trị tương ứng

点击 “ ⇕ ” 以查看相应的列值和资产

Touch vào mã cổ phiếu để xem chi tiết mã cổ phiếu

点击股票代码以查看该股票代码的详细信息

Thông tin chỉ số 指数

1.1 VN Index

Chi tiết VN Index

VN 指数详细信息

Thông tin tổng quan của chỉ số 总览

- Giá trị hiện tại, giá trị tăng giảm
  目前价值、涨跌价值
- Mở cửa/đóng cửa
  开盘-收盘价
- Biên độ ngày
  当日波动幅度
- Khối lượng/Giá trị giao dịch
  交易价值与交易量
- Thống kê biên độ 1 năm, 52 tuần
  一年波动，一年变动

Các đường MA cơ bản: MA5, MA10, MA20, MA30
MA 基本线：MA5, MA10, MA20, MA30

Đồ thị giao dịch realtime trong ngày
当日交易图表

Chart 1D hiện thị đồ thị giao dịch trong ngày

1D 图表显示当日交易

Chart 1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y hiển thị đồ thị lịch sử

1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y 等图表 显示历史图表

Touch icon để xem đồ thị Trading View

点击 “ ” 图标以查看图表

Các thông tin khác hỗ trợ cho chỉ số

补助指标的其他信息

- Tab thống kê: Thống kê chỉ số lịch sử

	统计资料： 统计历史指标 - Tab cổ phiếu: Danh sách cổ phiếu trong chỉ số 股票： 指标中的股票名单 - Tab chứng quyền: Danh sách cổ phiếu chứng quyền 权证：含权证的股票名单 - Tab trái phiếu 债券 - Tab Chứng chỉ quỹ & ETF 基金证书 –ETF - Tab GD thỏa thuận 大宗交易

1.2 Chỉ số VN30 / VN30 指标

Chi tiết chỉ số VN30 **VN 30 指数详细信息**	Thông tin tổng quan của chỉ số 总览 - Giá trị hiện tại, giá trị tăng giảm 目前价值、涨跌价值 - Mở cửa/đóng cửa 开盘-收盘价 - Biên độ ngày 当日波动幅度 - Khối lượng/Giá trị giao dịch 交易价值与交易量 - Thống kê biên độ 1 năm, 52 tuần 一年波动，一年变动 Các đường MA cơ bản: MA5, MA10, MA20, MA30 MA 基本线：MA5, MA10, MA20, MA30 Đồ thị giao dịch realtime trong ngày 当日交易图表 Chart 1D hiện thị đồ thị giao dịch trong ngày 1D 图表显示当日交易 Chart 1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y hiển thị đồ thị lịch sử 1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y 等图表 显示历史图表 Touch icon để xem đồ thị Trading View

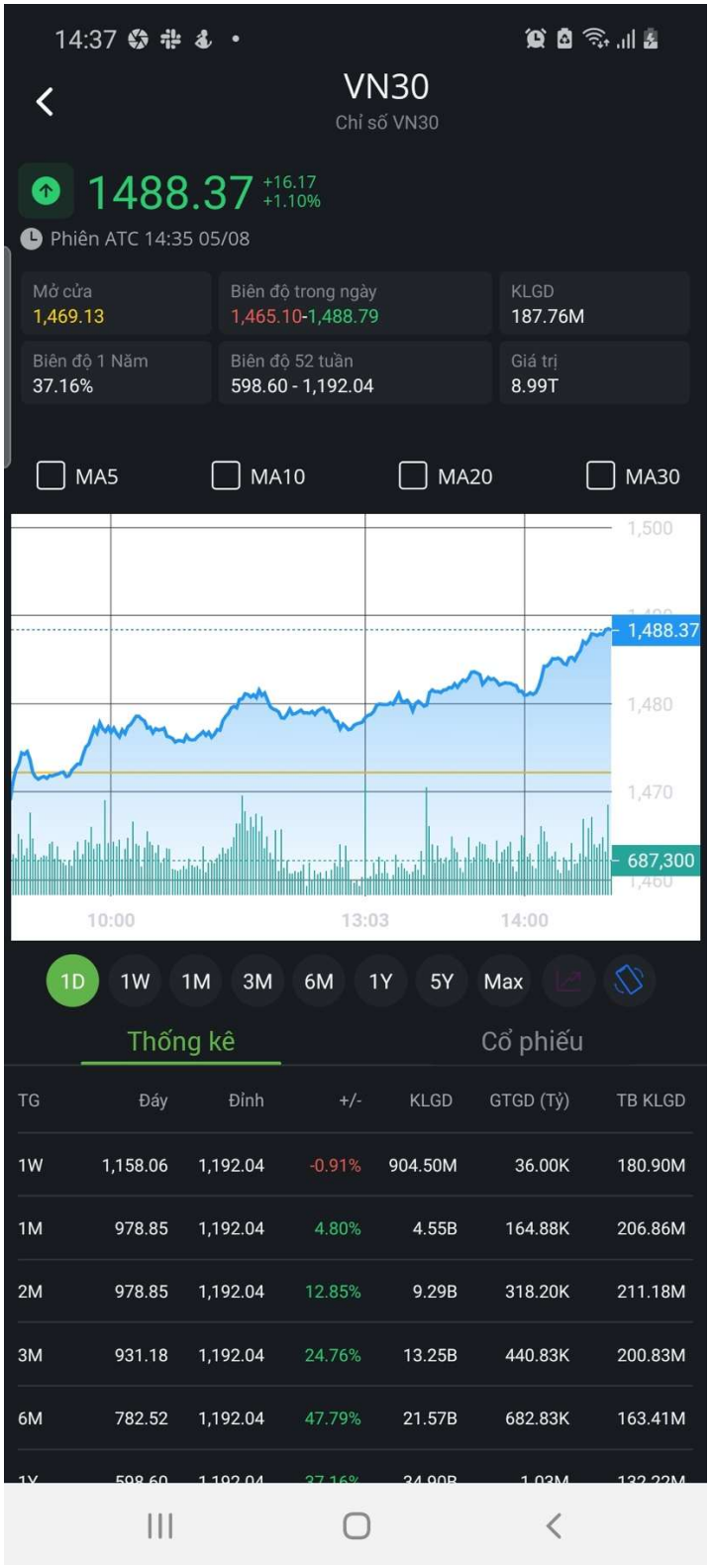

点击 “ ” 图标以查看图表

Các thông tin khác hỗ trợ cho chỉ số

补助指标的其他信息

- Tab thống kê: Thống kê chỉ số lịch sử
  统计资料： 统计历史指标
- Tab cổ phiếu: Danh sách cổ phiếu trong chỉ số
  股票： 指标中的股票名单
- Tab chứng quyền: Danh sách cổ phiếu chứng quyền
  权证：含权证的股票名单
- Tab trái phiếu
  债券
- Tab Chứng chỉ quỹ & ETF
  基金证书 –ETF
- Tab GD thỏa thuận
  大宗交易

1.3 HNX Index、 HNX 指数

Chi tiết chỉ số HNX Index
HNX 指数详细信息

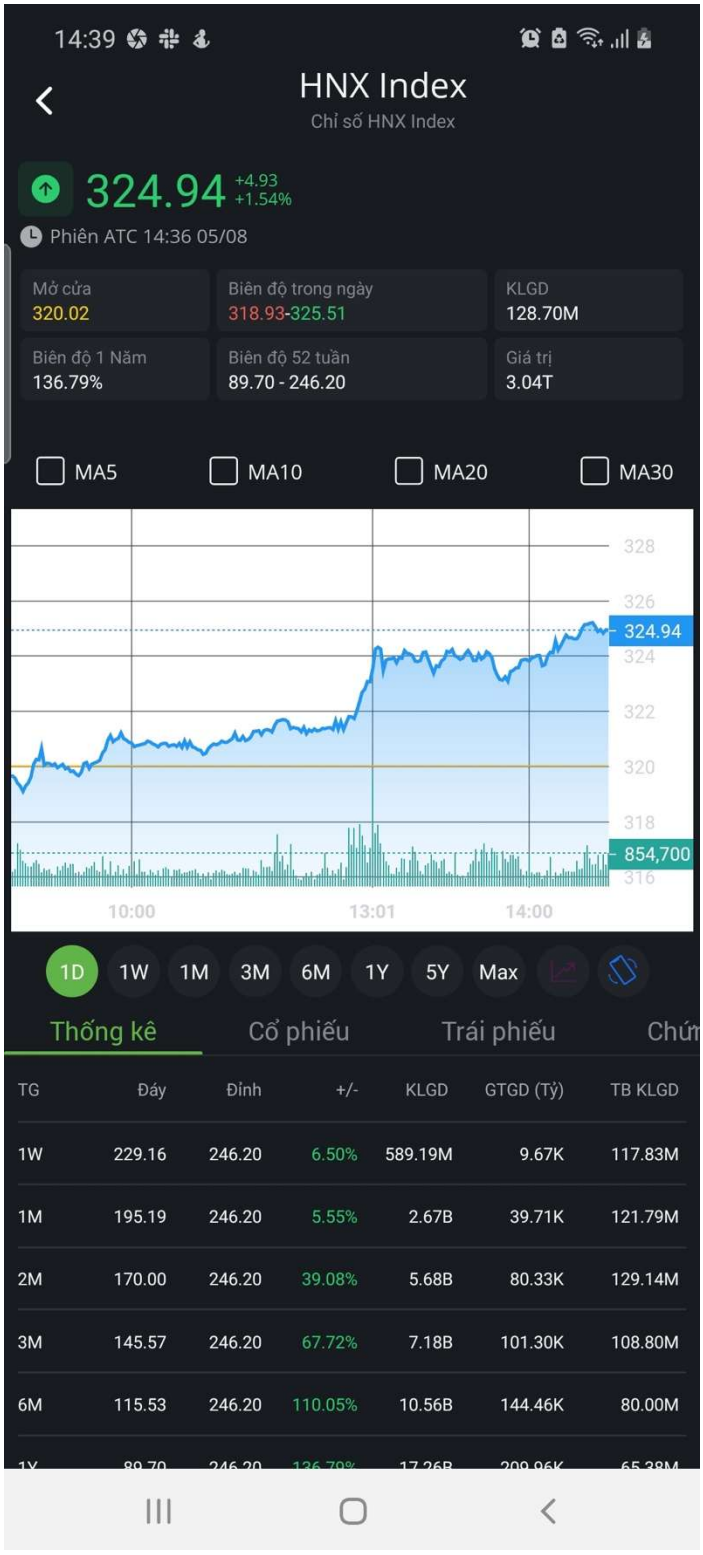

Thông tin tổng quan của chỉ số 总览

- Giá trị hiện tại, giá trị tăng giảm
  目前价值、涨跌价值
- Mở cửa/đóng cửa
  开盘-收盘价
- Biên độ ngày
  当日波动幅度
- Khối lượng/Giá trị giao dịch
  交易价值与交易量
- Thống kê biên độ 1 năm, 52 tuần
  一年波动，一年变动

Các đường MA cơ bản: MA5, MA10, MA20, MA30
MA 基本线：MA5, MA10, MA20, MA30
Đồ thị giao dịch realtime trong ngày
当日交易图表
Chart 1D hiện thị đồ thị giao dịch trong ngày

1D 图表显示当日交易

Chart 1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y hiển thị đồ thị lịch sử

1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y 等图表 显示历史图表

Touch icon để xem đồ thị Trading View

点击 “ ” 图标以查看图表

Các thông tin khác hỗ trợ cho chỉ số

补助指标的其他信息

- Tab thống kê: Thống kê chỉ số lịch sử
  统计资料： 统计历史指标
- Tab cổ phiếu: Danh sách cổ phiếu trong chỉ số
  股票： 指标中的股票名单
- Tab chứng quyền: Danh sách cổ phiếu chứng quyền
  权证：含权证的股票名单
- Tab trái phiếu
  债券
- Tab Chứng chỉ quỹ & ETF
  基金证书 –ETF
- Tab GD thỏa thuận
  大宗交易

1.4 UPCOM Index、 UPCOM 指标

Chi tiết chỉ số UPC
UPC 指标详细信息

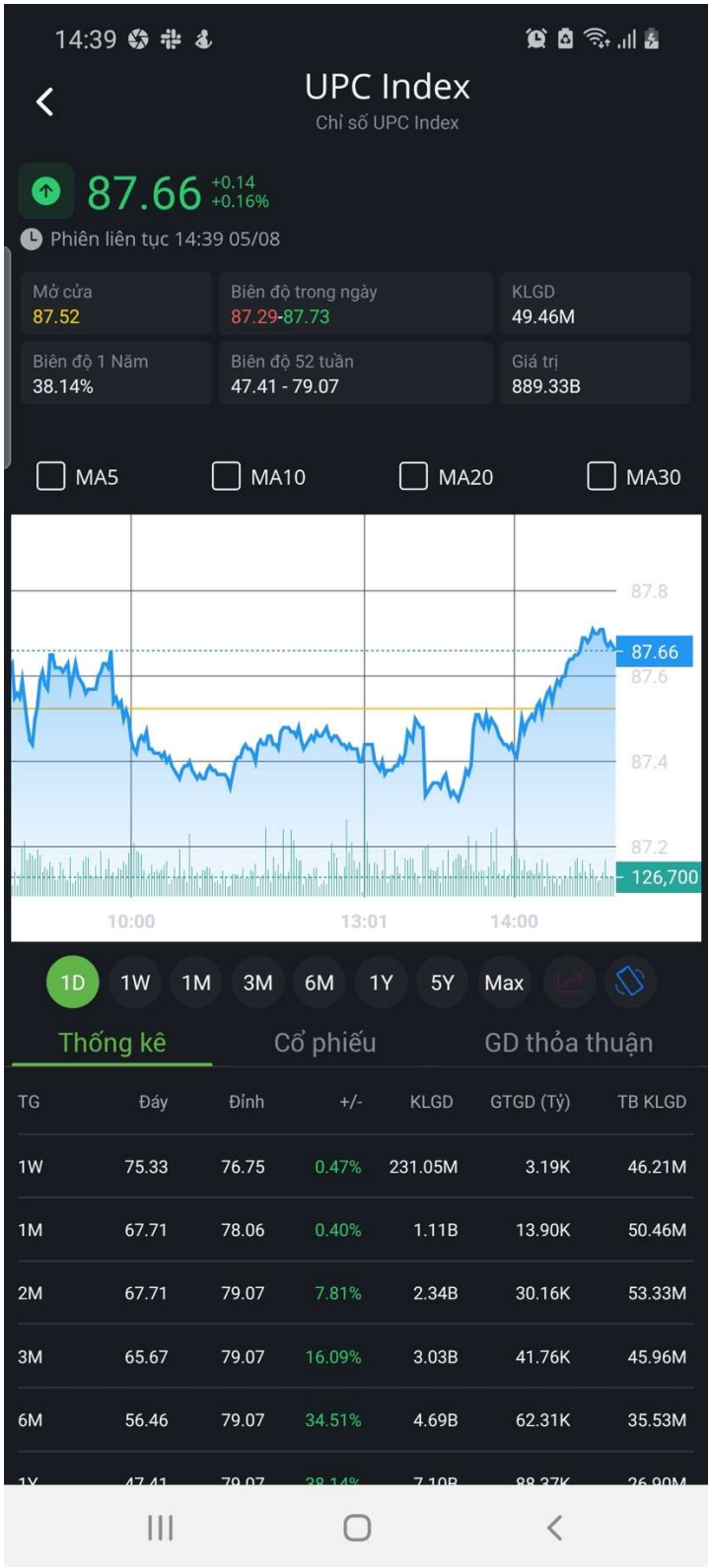

Thông tin tổng quan của chỉ số 总览

- Giá trị hiện tại, giá trị tăng giảm
  目前价值、涨跌价值
- Mở cửa/đóng cửa
  开盘-收盘价
- Biên độ ngày
  当日波动幅度
- Khối lượng/Giá trị giao dịch
  交易价值与交易量
- Thống kê biên độ 1 năm, 52 tuần
  一年波动，一年变动

Các đường MA cơ bản: MA5, MA10, MA20, MA30
MA 基本线：MA5, MA10, MA20, MA30
Đồ thị giao dịch realtime trong ngày
当日交易图表
Chart 1D hiện thị đồ thị giao dịch trong ngày

1D 图表显示当日交易

Chart 1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y hiển thị đồ thị lịch sử

1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y 等图表 显示历史图表

Touch icon để xem đồ thị Trading View

点击 “ ” 图标以查看图表

Các thông tin khác hỗ trợ cho chỉ số

补助指标的其他信息

- Tab thống kê: Thống kê chỉ số lịch sử
  统计资料： 统计历史指标
- Tab cổ phiếu: Danh sách cổ phiếu trong chỉ số
  股票： 指标中的股票名单
- Tab chứng quyền: Danh sách cổ phiếu chứng quyền
  权证：含权证的股票名单
- Tab trái phiếu
  债券
- Tab Chứng chỉ quỹ & ETF
  基金证书 –ETF
- Tab GD thỏa thuận
  大宗交易

II. Thông tin cổ phiếu 股票

2.1 Tổng quan giao dịch 交易总览

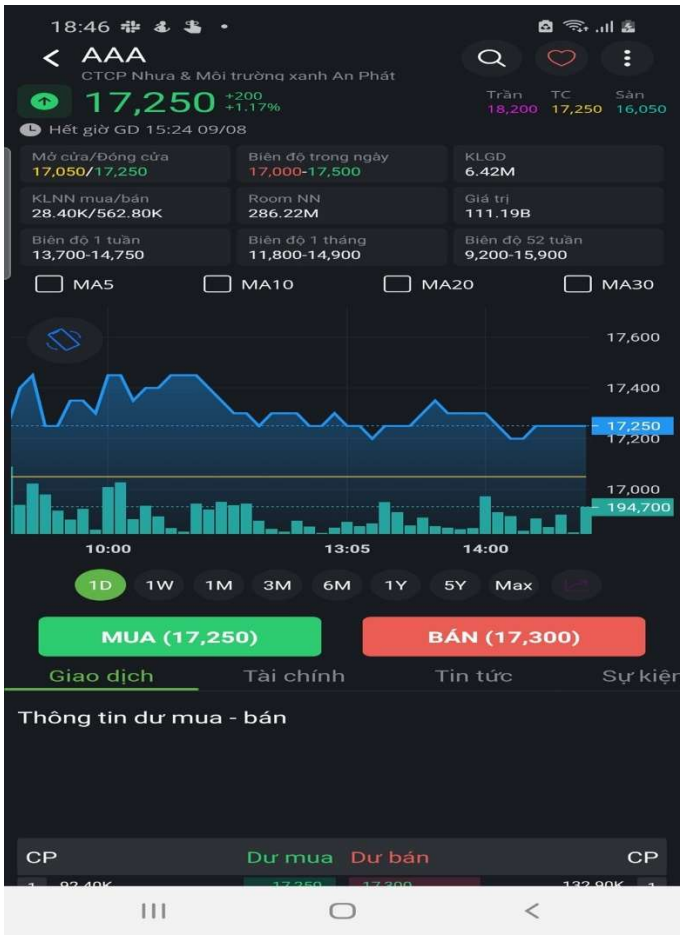

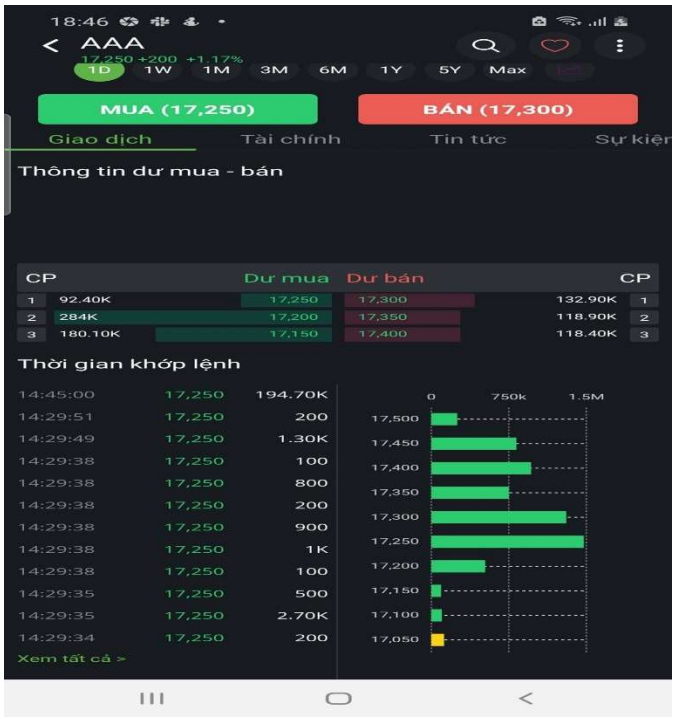

Thông tin tổng quan 总览

- Mã cổ phiếu & Tên cổ phiếu

  股票代码和 股票名称

- Giá hiện tại và giá trị thay đổi

  目前价格和变动价格

- Giá trần, sàn, tham chiếu

  涨停价、跌停价、参考价

- Giá mở cửa, đóng cửa

  开盘价、收盘价

- Biên độ giá trong ngày

  当日价格波动幅度

- Khối lượng/ giá trị giao dịch

  交易量和交易价值

- Biên độ tuần, tháng, 52 tuần

  一周、一月、52 周的波动幅度

Đồ thị và các đường MA cơ bản

图表及 MA 基本线

- Đường MA5, MA10, MA20, MA30

  MA5, MA10, MA20, MA30 线

- Thống kê 1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y

  1W, 1M, 3M, 6M, 1Y, 5Y 等统计

	Tab “Giao dịch” bao gồm 交易 - Thông tin dư mua, dư bán theo thời gian thực 实际时间的买量余额和卖量余额 - Chi tiết khớp lệnh theo thời gian thực 实际时间的订单匹配信息

2.2 Sự kiện 事件

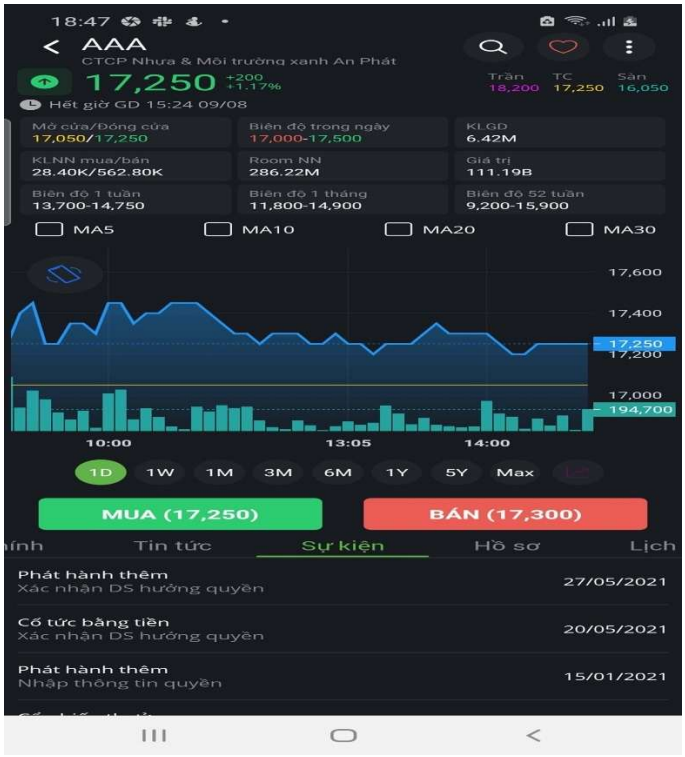	**Tab sự kiện hiển thị danh sách sự kiện** **事件选项理将显示事件名单** Toach vào 1 sự kiện để xem chi tiết 点击任何一个事件以查看详情

2.3 Lịch sử giá

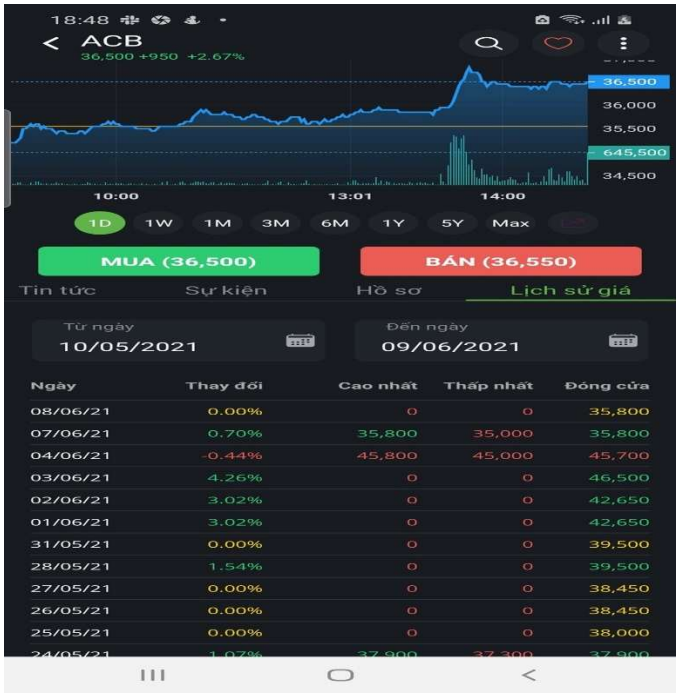

Tab lịch sử giá hiển thị danh sách giá lịch sử

“历史价”将显示历史价名单

Nhà đầu tư có thể chọn khoảng thời gian để xem lịch sử giá

投资者可以先择任何一个时间段以查看历史价

E. GIAO DỊCH LỆNH MUA/BÁN CHỨNG KHOÁN 下单

a. Lệnh Mua/Bán 买卖订单指令

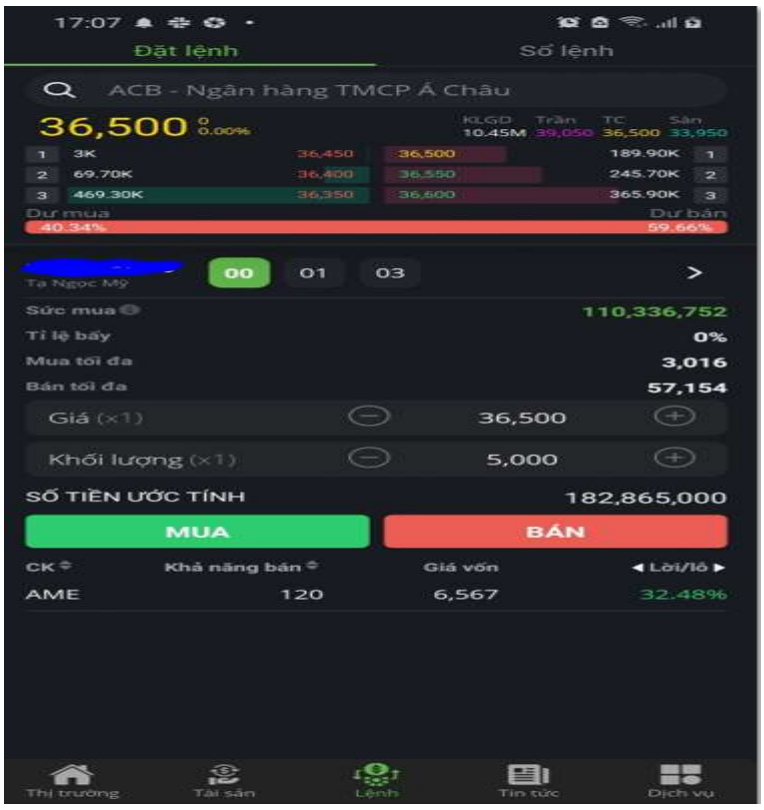

Để đặt lệnh, nhà đầu tư chọn vào Tab “Lệnh” ở menu bên dưới và chọn vào tab “Đặt lệnh”

要下订单，投资者在下面的选项中选择“下单”

- Chọn mã chứng khoán cần giao dịch

  选择需要进行交易的股票代码

Sau khi chọn mã, thông tin cơ bản của mã chứng khoán được hiển thị. Nhà đầu tư có thể touch vào giá để đặt lệnh

选择代码后，显示股票代码的基本信息。 投资者可点击价格以下单

- Chọn tài khoản giao dịch

  选择交易账户

	- Nhập giá và khối lượng cần giao dịch 输入价格和交易量 - Touch “MUA” hoặc “BÁN” để đặt lệnh 点击“买”或“卖”下订单 Bên dưới là danh sách chứng khoán mà nhà đầu tư đang sở hữu. Nhà đầu tư có thể touch vào mã chứng khoán để đặt lệnh 以下是投资者拥有的证券清单。 投资者可点击股票代码下单

b. Sổ lệnh và Hủy/Sửa lệnh 订单记录和订单取消/修改

	Để xem lệnh đã đặt, nhà đầu tư chọn tab sổ lệnh 要查看已下的订单，投资者选择订单记录选项 Tài khoản giao dịch 交易账户 Bộ lọc lệnh đã đặt trong ngày 选择当日已下的订单 Touch để xem chi tiết lệnh đã đặt 点击查看下单详情

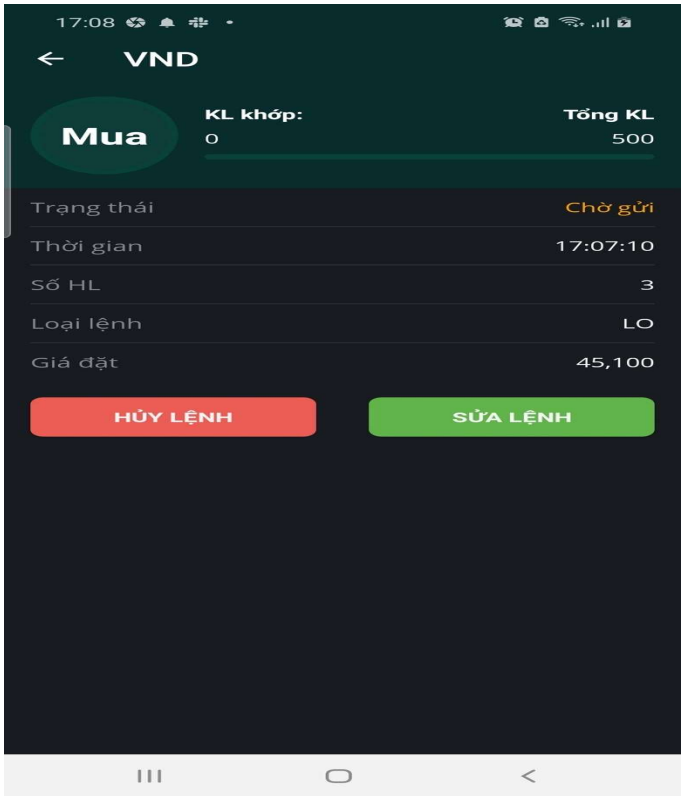	Touch “HỦY LỆNH” để hủy lệnh đã đặt 点击“取消”以取消订单 Touch ‘SỬA LỆNH” để sửa lệnh 点击“修改”以修改的订单

F. SẢN PHẨM DỊCH VỤ GIAO DỊCH KHÁC 其他服务

a. Lệnh đặt trước 预埋单

1. Đặt lệnh đặt trước 下预埋单

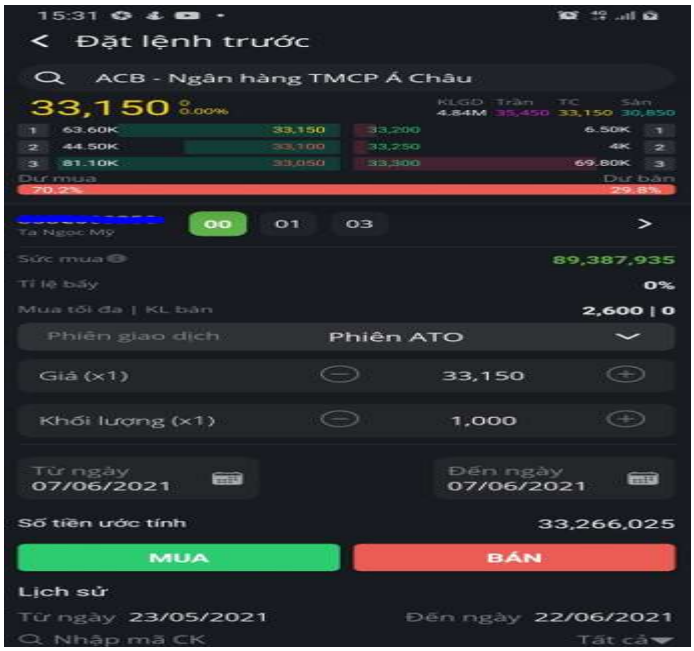	Bước 1: Chọn mã chứng khoán cần giao dịch 第一步：选择要进行交易的证券 Sau khi chọn mã, thông tin chứng khoán sẽ được hiển thị bao gồm giá trần, sàn, tham chiếu và thông tin giá mua bán tốt nhất 选择代码后，将显示股票信息，包括涨停价、跌停价、参考价和最佳买卖价信息。 Bước 2: Chọn tài khoản và tiểu khoản cần giao dịch 第 2 步：选择需要交易的账户和子账户 Bước 3: Chọn phiên giao dịch 第 3 步：选择订单类型

	Bước 4: Nhập giá và khối lượng giao dịch 第 4 步：输入价格和交易量 Bước 5: Chọn khoản thời gian lệnh có hiệu lực 第 5 步：选择交易时间 Bước 6: Chọn MUA/BÁN để thực hiện lệnh 第 6 步：选择买/卖以进行交易
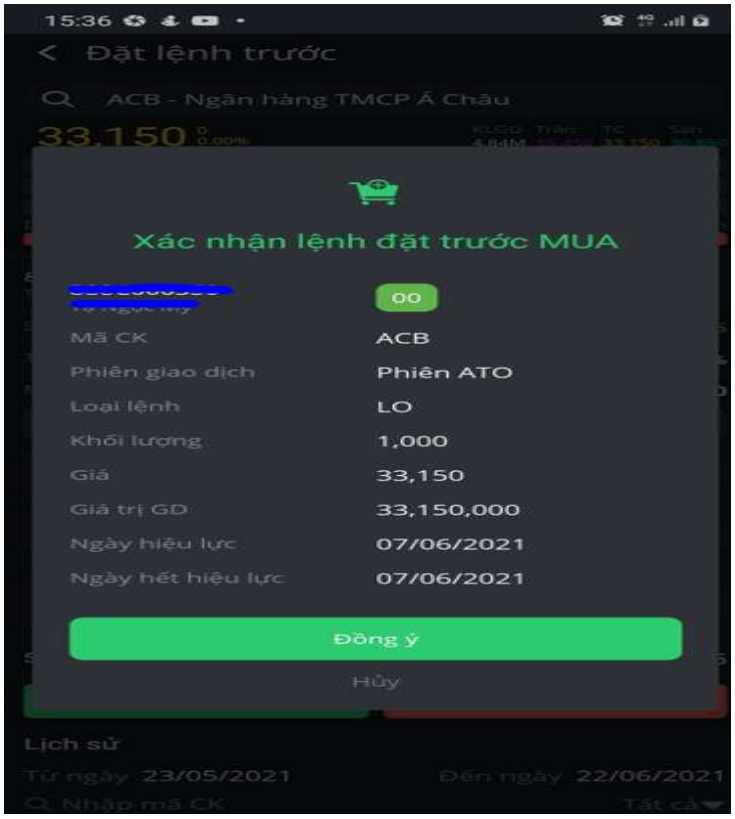	Bước 7: Kiểm tra và xác nhận lệnh 第 7 步：检查和确认订单

2. Sổ lệnh đặt trước 预埋单记录

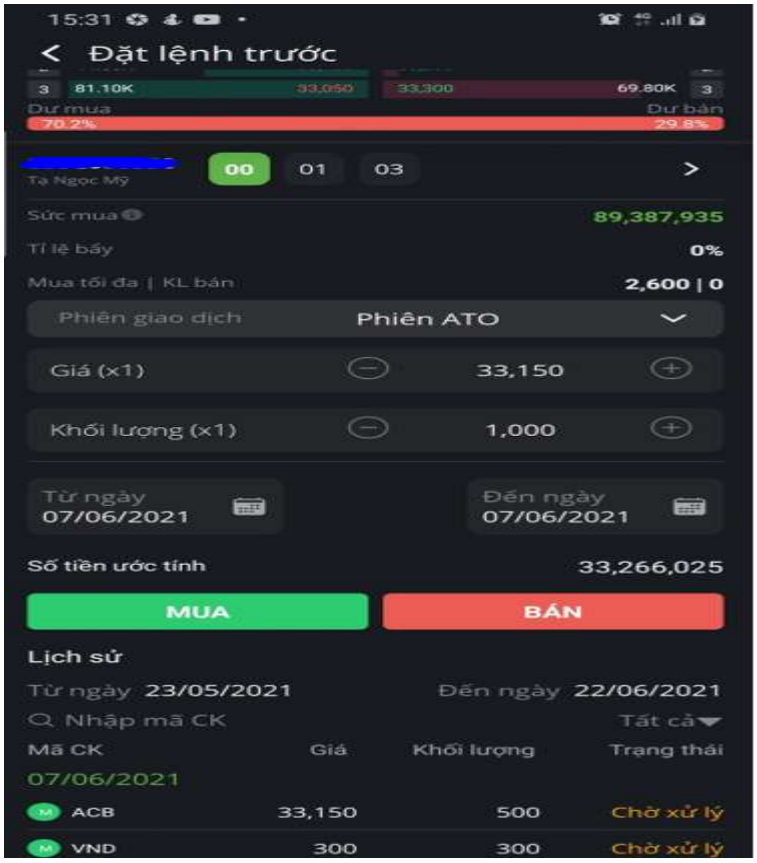	Danh sách sổ lệnh đặt trước. Touch vào lệnh để xem chi tiết 预埋单列表。 点击订单以查看详细信息
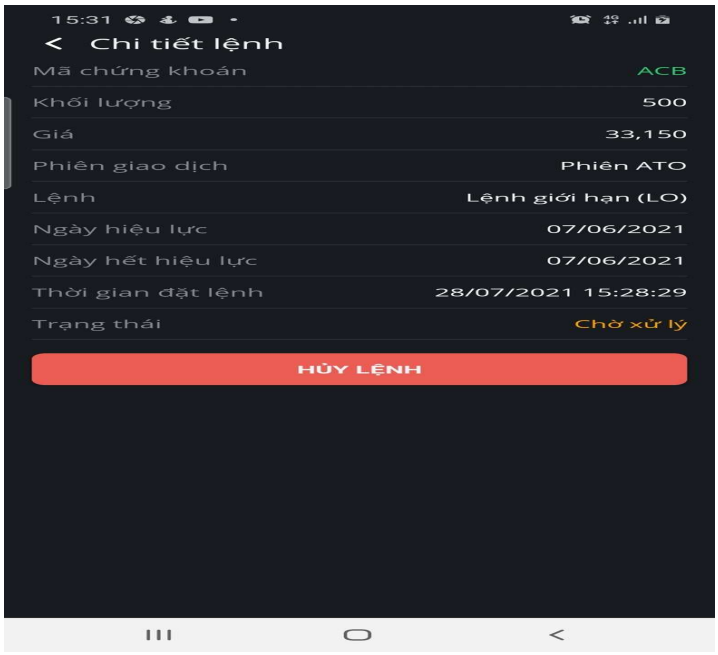	Chi tiết lệnh đặt trước. 预埋单详细信息 Nhà đầu tư có thể touch chọn “Hủy Lệnh” để hủy lệnh đã đặt 投资者可点击“取消订单”取消已下的订单

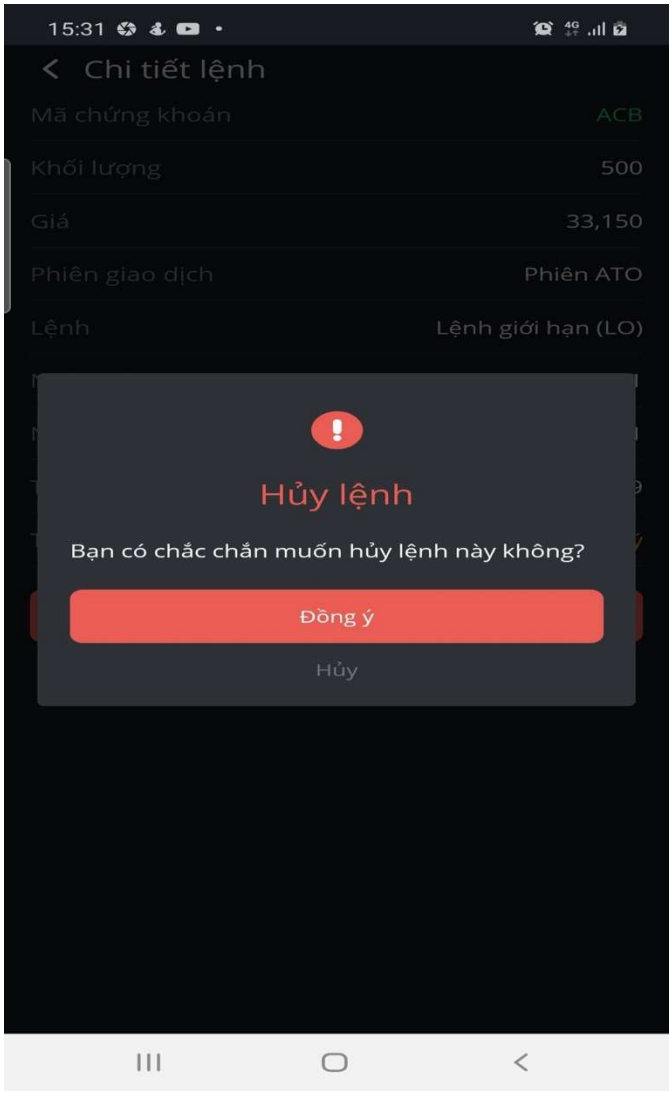	Nhà đầu tư touch “Hủy lệnh” để xác nhận hủy lệnh 点击“是”以确认取消

b. Đăng ký bán lô lẻ 碎股出售登记

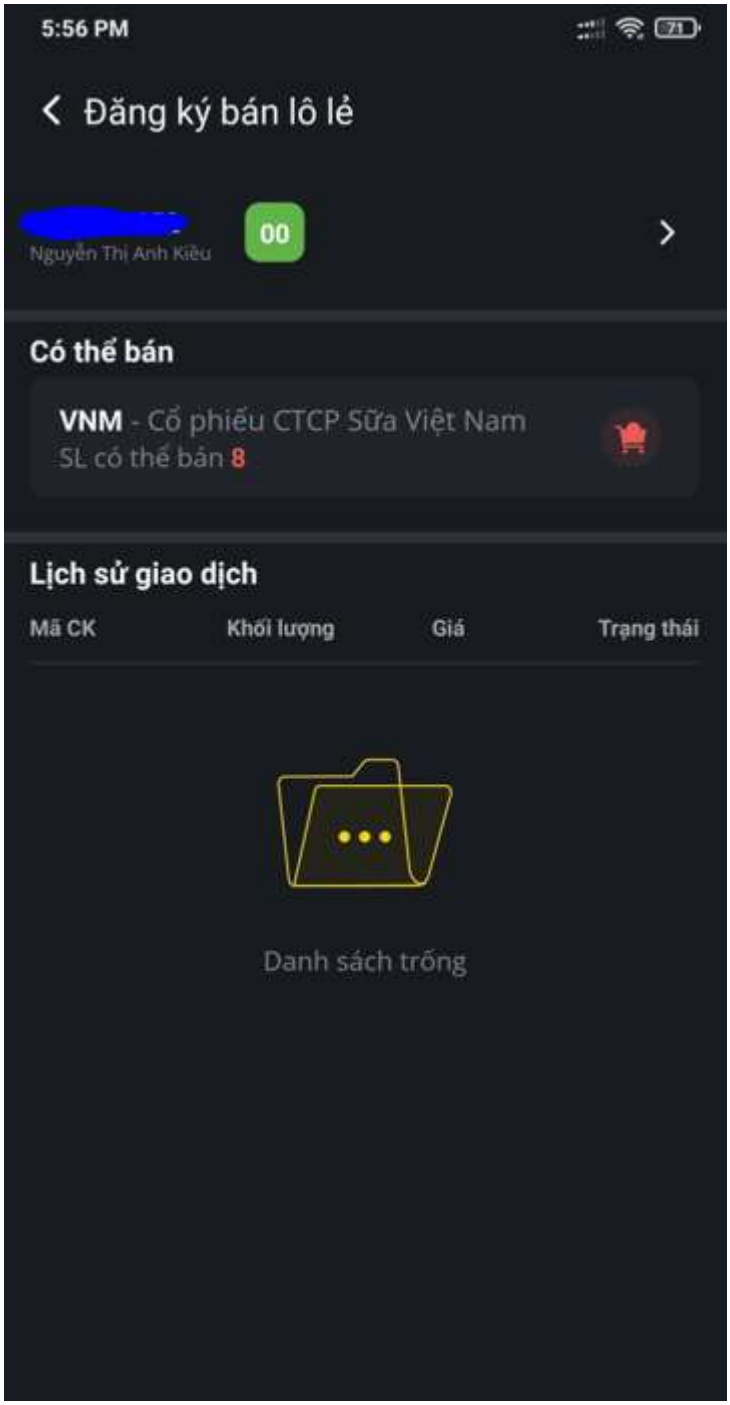

Bước 1: Chọn tiểu khoản, tài khoản để tìm kiếm các chứng khoán lô lẻ tương ứng

第一步：选择子账户，账户以搜索对应的碎股

Bước 2: Touch vào Mã cổ phiếu tương ứng để tiến hành bán lô lẻ

第 2 步：点击对应的股票代码进行碎股出售交易

Danh sách lịch sử bán lô lẻ gần nhất nếu có

最近碎股出售历史列表（如果有）

	Bước 3: Nhà đầu tư kiểm tra số liệu, tài khoản và chọn “Xác nhận” để thực hiện bán Chọn “HỦY” để thoát popup 第三步：投资者核对数据、账户并选择“确认”卖出 选择“取消”退出

c. Lịch sử lệnh 订单记录

Bước 1: Chọn tài khoản, tiểu khoản, thời gian tra cứu, “Mã CK”, “Loại lệnh” và “Loại mua/bán” để hiển thị thông tin tương ứng

选择账户、子账户、查询时间、“股票代码”、“订单类型”和“买入/卖出订单”，以显示相应信息

Bước 2: Touch một giao dịch để xem chi tiết

第二步：点击一个交易以查看详细信息

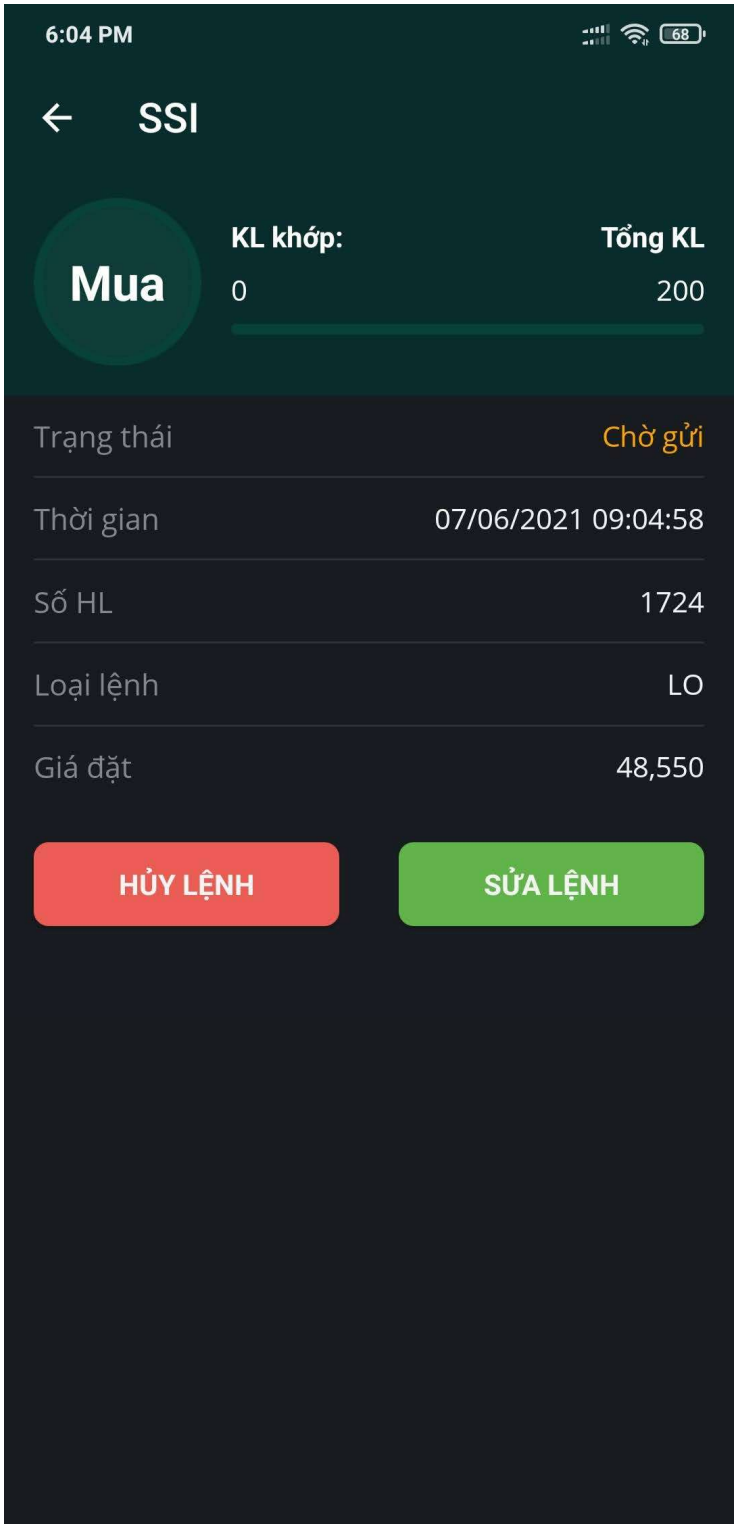

Chi tiết lệnh

订单详细信息

Bước 3: Nhà đầu tư có thể touch chọn “Hủy Lệnh” để hủy lệnh đã đặt

第三步： 投资者可以点击“取消”以取消以下的订单

Touch sửa lệnh để hiển thị popup sửa lệnh

点击“修改”以进行修改订单

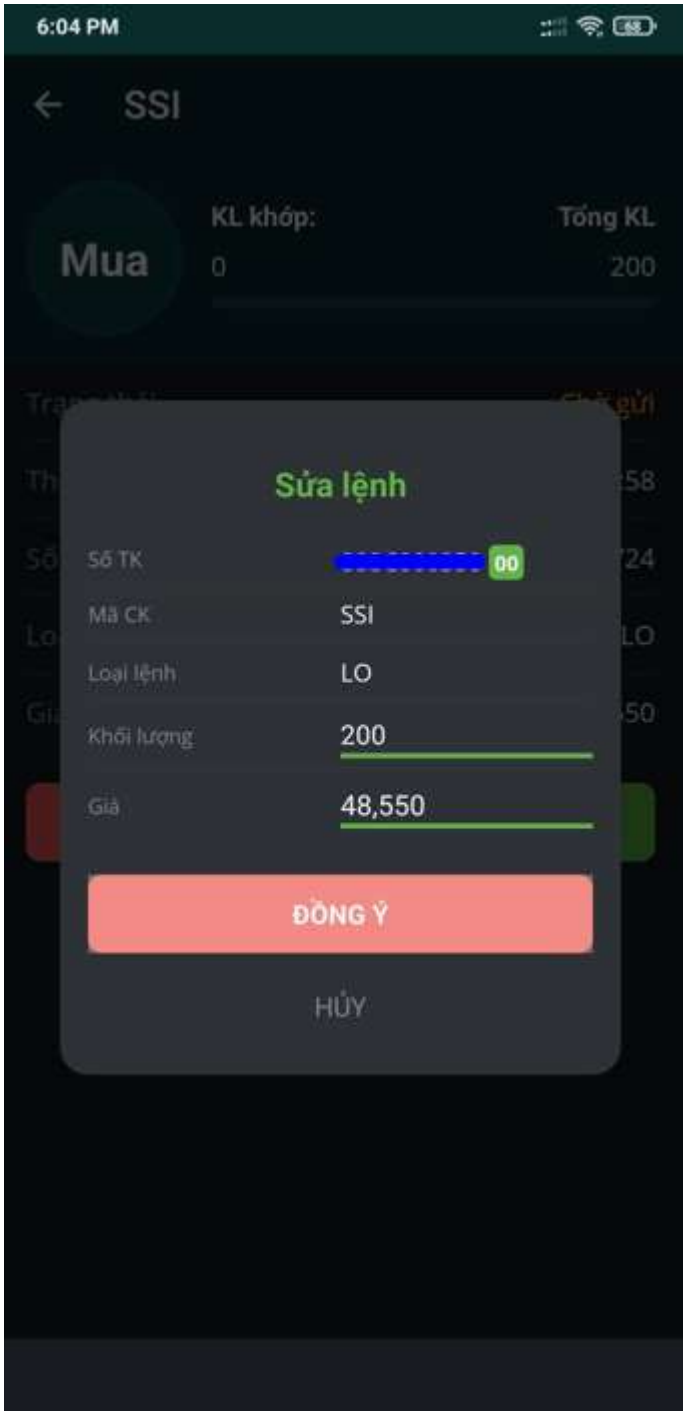	Sửa lệnh 修改订单 Bước 4: Nhà đầu tư nhập “Khối lượng” và “giá” cần sửa. 第 4 步：投资者输入“数量”及要修改的“价格” Bước 5: Touch chọn “đồng ý” để sửa lệnh 第 5 步：点击 “同意”以进行修改

d. Xác nhận phiếu lệnh 确认订单

Bước 1: Chọn tài khoản và tiểu khoản tương ứng.

第一步：选择相应的账户和子账户

Bước 2: Nhà đầu tư chọn “Loại giao dịch”, Ngày tháng tra cứu. Để thấy danh sách giao dịch

第二步： 投资者选择“交易类型”，查看日期以查看交易名单

Bước 3: Chọn “xác nhận tất cả” để xác nhận các giao dịch.

第三步：点击“全部确认”以确认交易

Bước 4: Chọn một giao dịch để chuyển đến màn hình chi tiết

第 4 步： 点击任何交易类型以转为详细界面

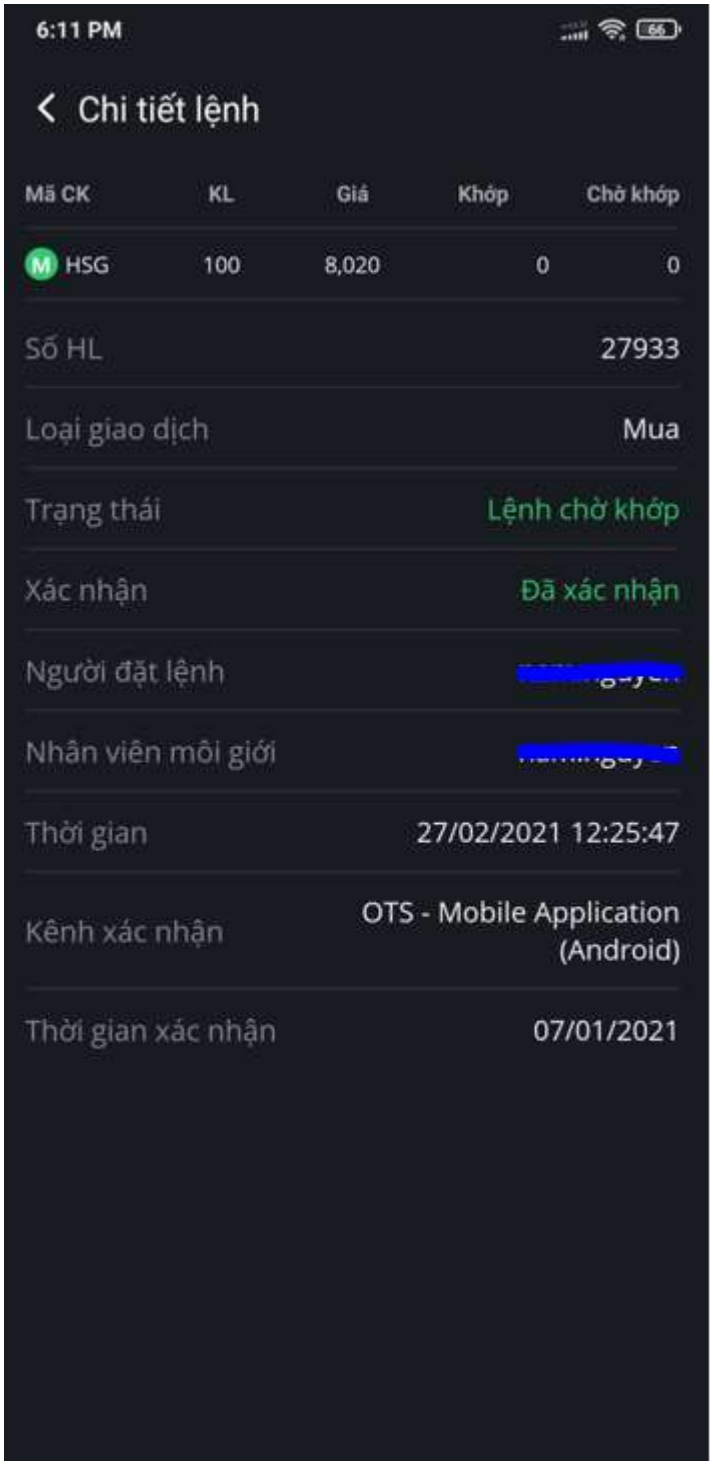

Chi tiết xác nhận phiếu lệnh.

详细确认信息

Bước 5: Nhà đầu tư có thể xem chi tiết lệnh ở màn hình này

第 5 步：投资者可以在该屏幕上查看详细信息

e. Chuyên khoản CK nội bộ 内部证券转账

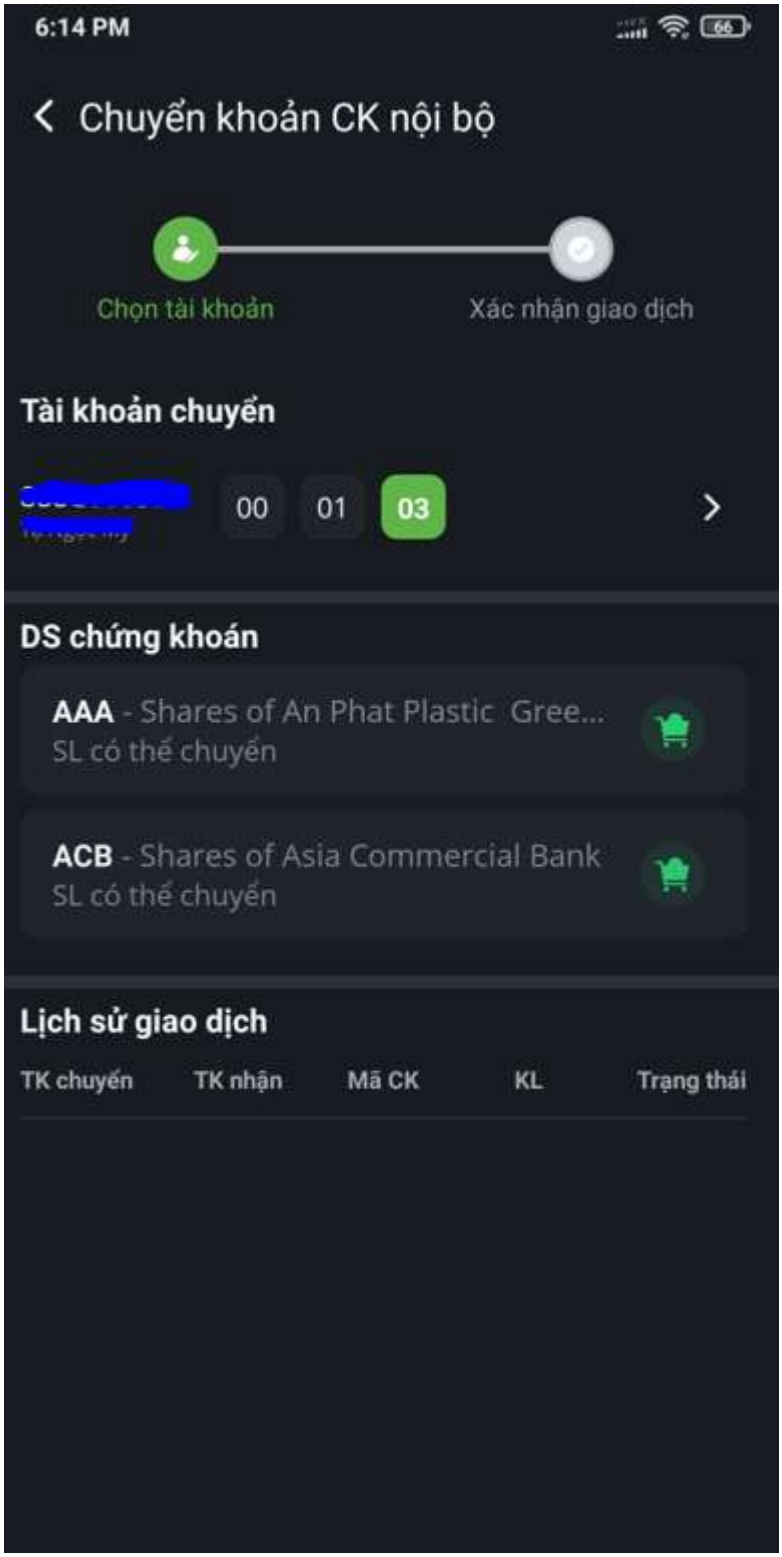

Bước 1: Chọn tài khoản và tiểu khoản tương ứng.

第一步： 选择相应的账户和子账户

Bước 2: Nhà đầu tư Touch một mã chứng khoán để chuyển nội bộ

第二步：投资者点击一个股票代码以进行内部转账

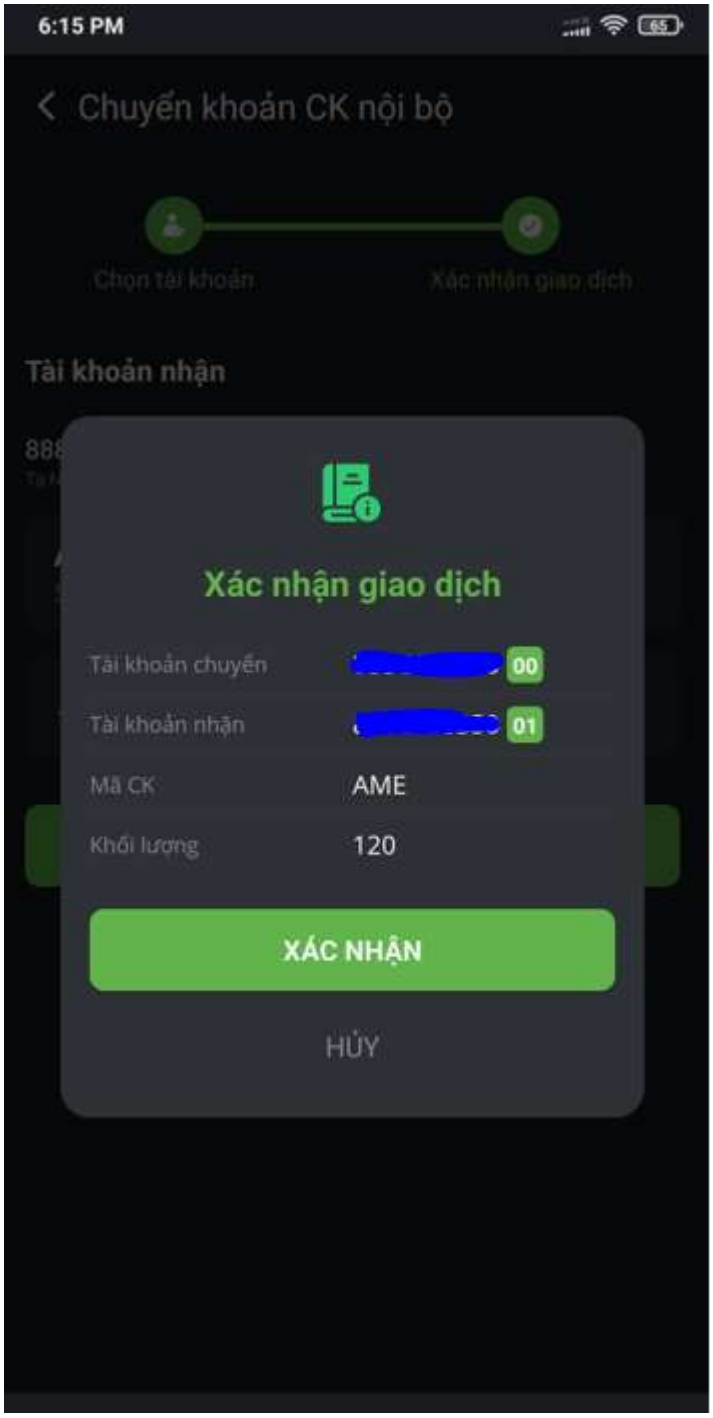	Bước 3: Touch “Xác nhận” để chuyển chứng khoán vào tài khoản đã chọn 第三步： 点击“确认”以完成政权内部转账

f. Đăng ký mua CK phát hành thêm 增发股认购

Bước 1: Chọn tài khoản, tiểu khoản tương ứng

第一步： 选择相应的账户和子账户

Bước 2: Kiểm tra Danh sách các chứng khoán được phép đăng ký mua

Bước 3: Touch chọn mộ mã để thực hiện quyền mua

第 2 步：查看允许注册购买的证券清单

第 3 步：点击选择股票代码以进行购股权

	Chọn một dòng để xem chi tiết giao dịch 点击一行以查看详细信息
	Xác nhận giao dịch mua phát hành them 确认购买增发股票 Bước 4: Nhà đầu tư nhập số lượng đăng ký mua 第四步：投资者输入要购买的股票数量 Bước 5: Touch xác nhận để mua 第五步：点击确认购买

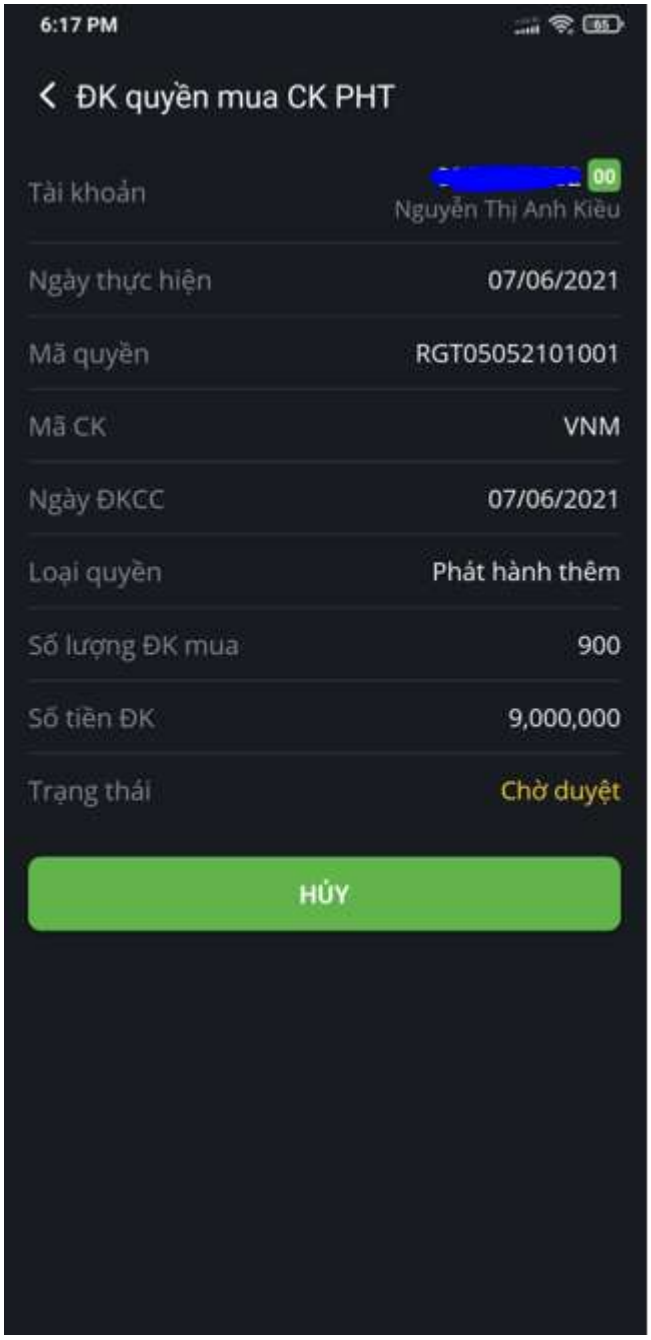	Hủy giao dịch mua phát hành them 取消购买增发股票 Bước 1: Tại màn hình chi tiết giao dịch mua phát hành thêm 第 1 步：在详情屏幕上 Bước 2: Nhà đầu tư touch “Hủy” để xác nhận hủy giao dịch đăng ký mua phát hành thêm 第二步：投资者点击“取消”，确认取消交易

g. Thông tin quyền 股权信息

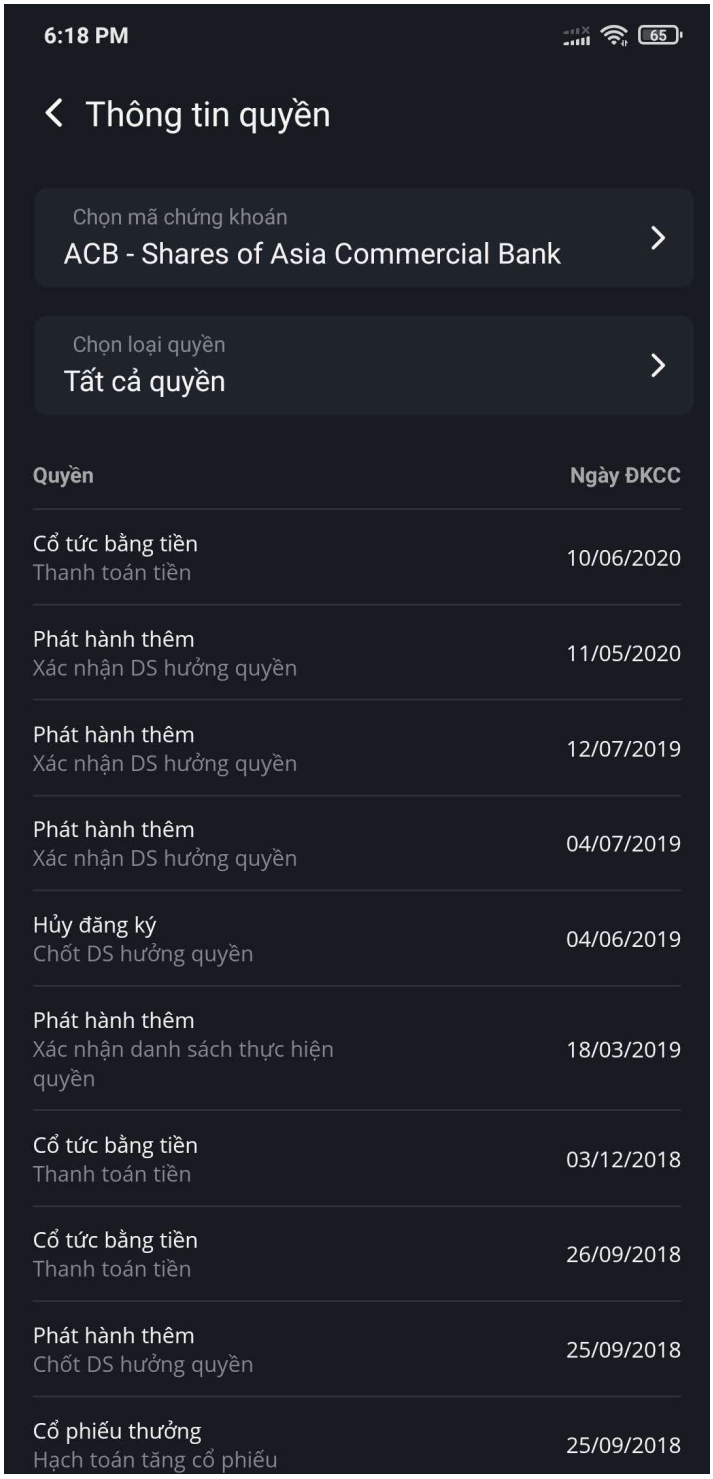

Bước 1: Touch để chọn mã cần tra cứu quyền

第一步：点击选择任何股票代码以查找其股权

Bước 2: Touch chon loại quyền

第二步：点击选择股权类型

Bước 3: Touch vào một dòng để xem chi tiết quyền

第 3 步：点击一行以查看股权详情

Chi tiết quyền

Nhà đầu tư có thể xem chi tiết quyền ở màn hình này

股权详情

投资者可以在此屏幕上查看股权详情

h. Yêu cầu rút tiền 提款请求

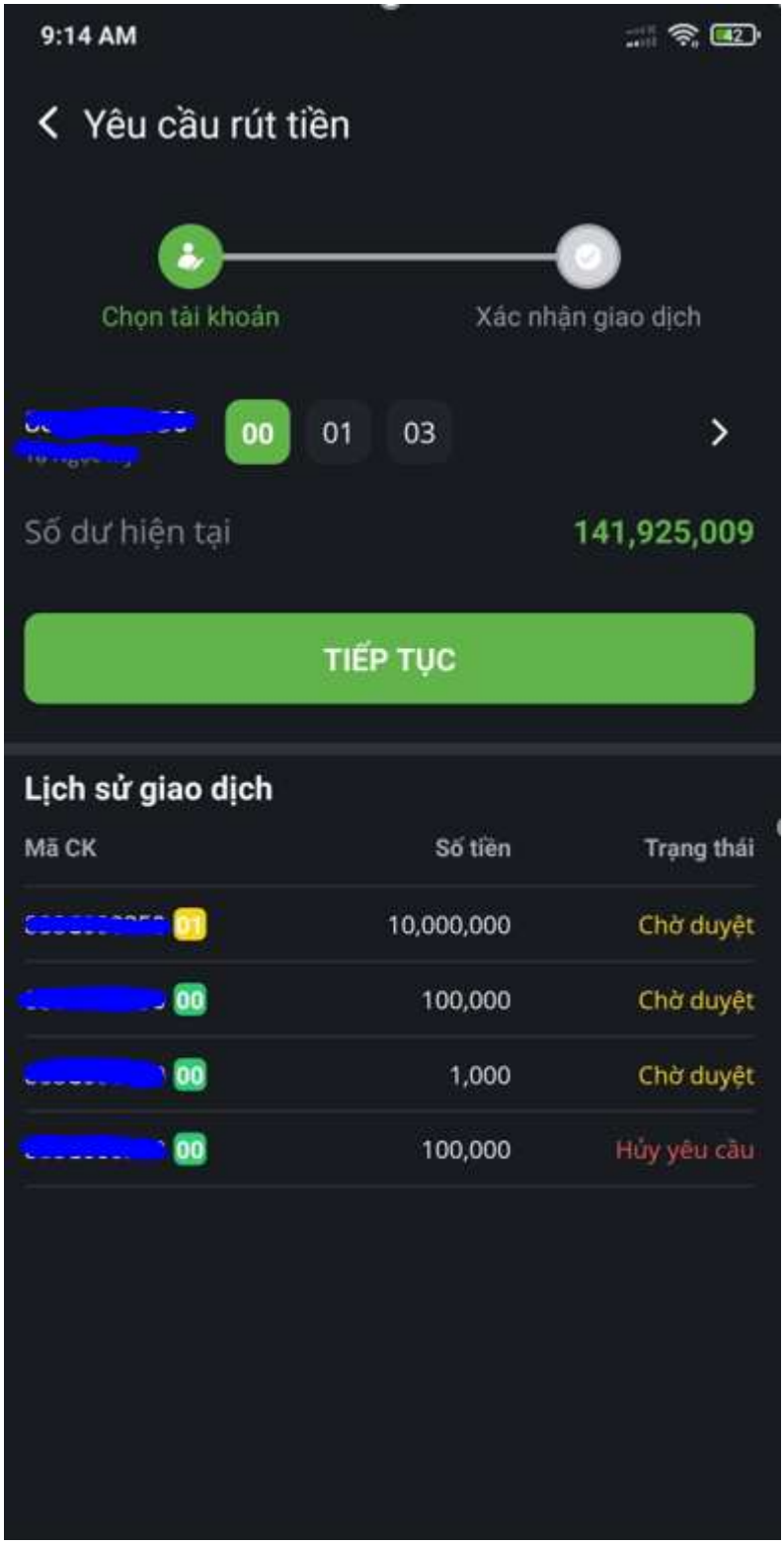

Bước 1: Chọn tài khoản, tiểu khoản tương ứng

第一步：选择对应的账户和子账户

Bước 2: Chọn “Tiếp tục”

第 2 步：选择“继续”

Chọn một dòng để xem chi tiết giao dịch

选择一行以查看交易详情

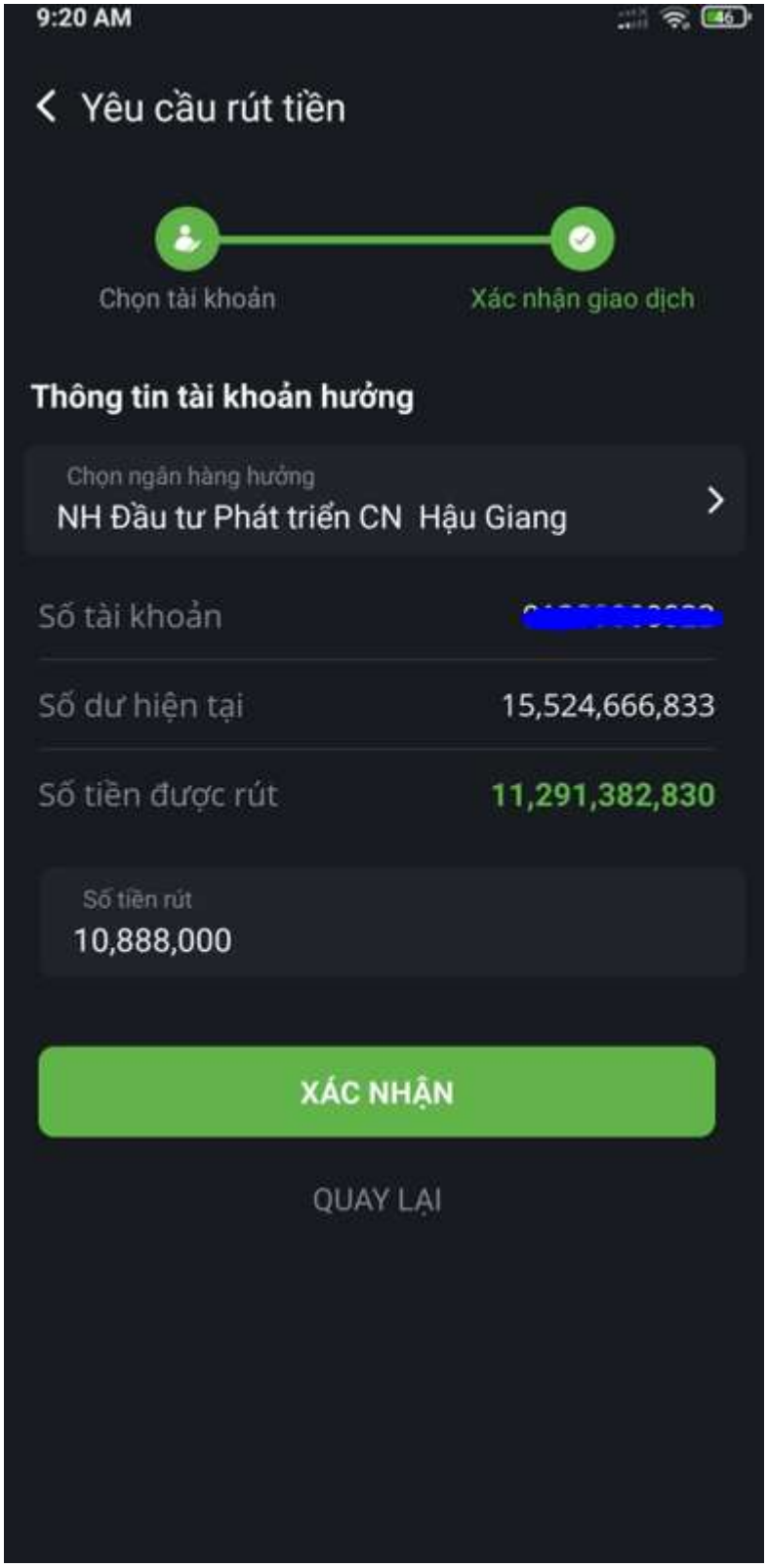

Yêu cầu rút tiền (Bước 2)

提款请求（第 2 步）

Nhà đầu tư chọn ngân hàng hưởng

投资者选择受益银行

Nhà đầu tư nhập số tiền cần rút

投资者输入提款金额

Chọn “Xác nhận” để tiến hành giao dịch

选择“确认”继续交易

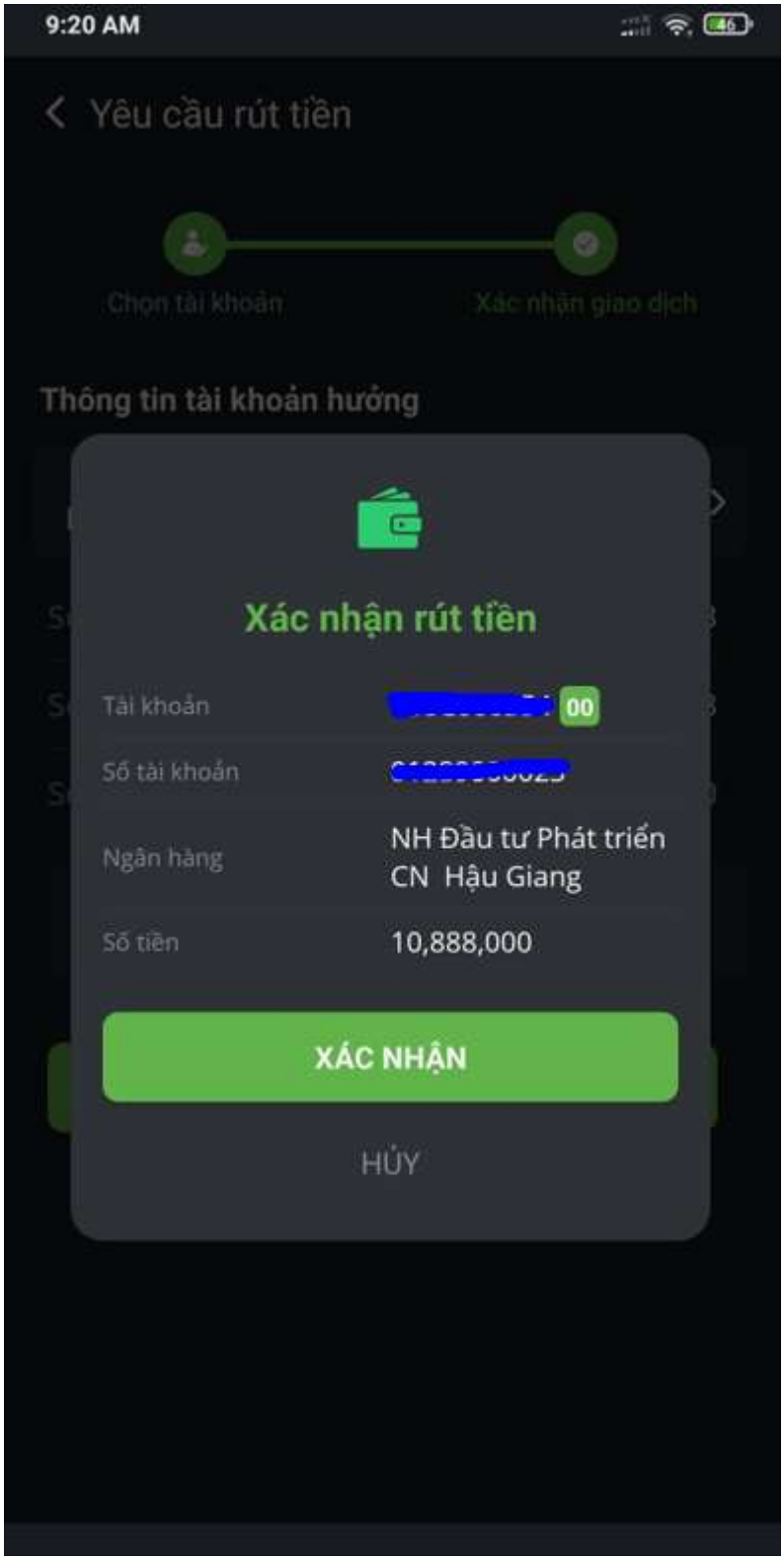	Nhà đầu tư kiểm tra thông tin và touch "Xác nhận" để thực hiện giao dịch 投资者核对信息，点击"确认"以完成交易

i. Chuyển khoản tiền nội bộ 内部资金转账

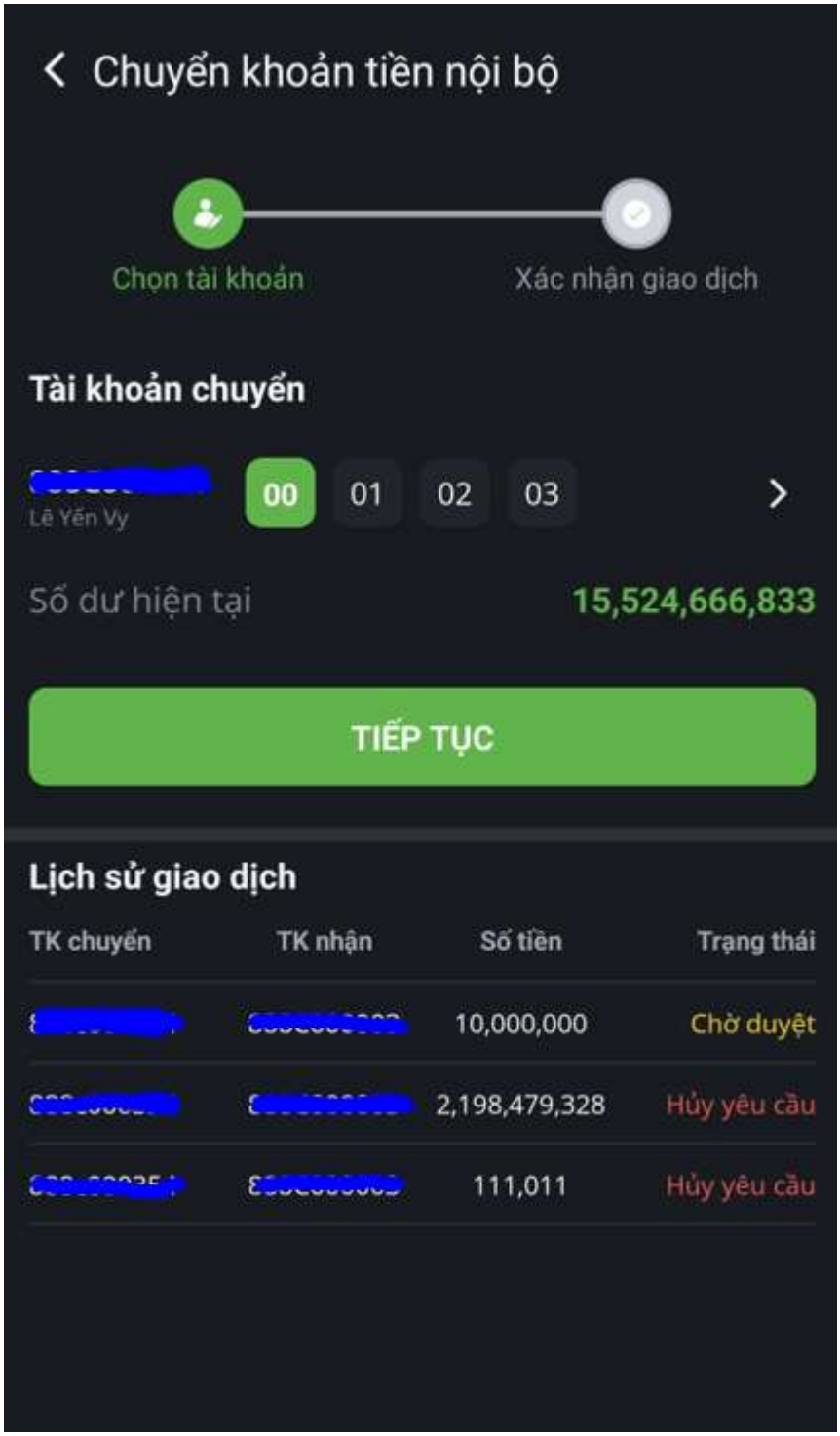

Bước 1: Chọn tài khoản tiểu khoản chuyển tương ứng

Chọn “Tiếp tục” để sang bước 2

Chọn một dòng để xem chi tiết các giao dịch trước đó

第一步：选择对应的子账户进行转账

选择“继续”进入第 2 步

选择一行以查看先前交易的详细信息

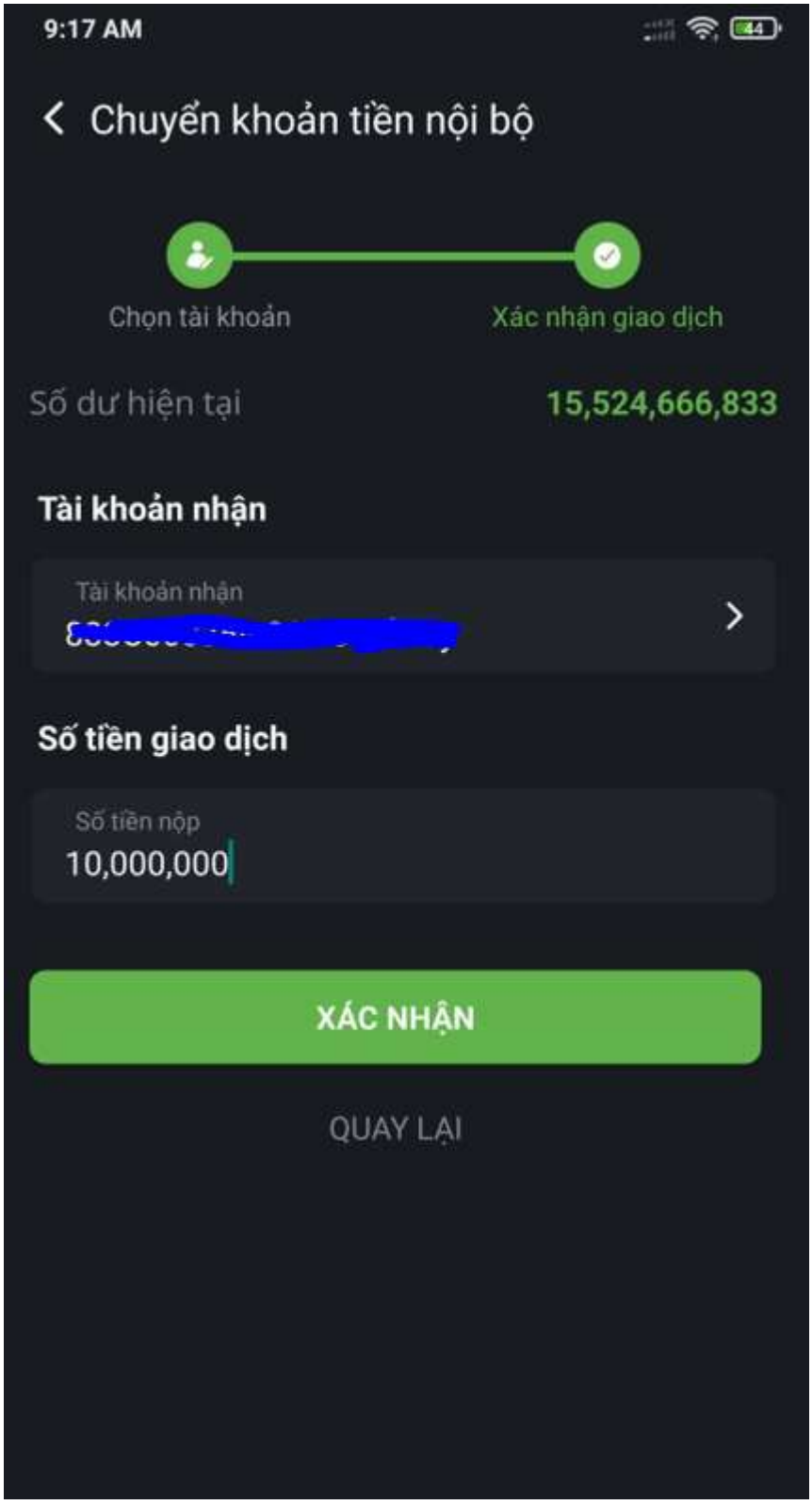

Chuyển tiền nội bộ (Bước 2)

Nhà đầu tư chọn tài khoản nhận tiền

Nhà đầu tư nhập số tiền giao dịch

Nhà đầu tư touch xác nhận để tiếp tục

内部资金转账（第 2步）

投资者选择收款账户

投资者输入交易金额

投资者点击确认以继续交易

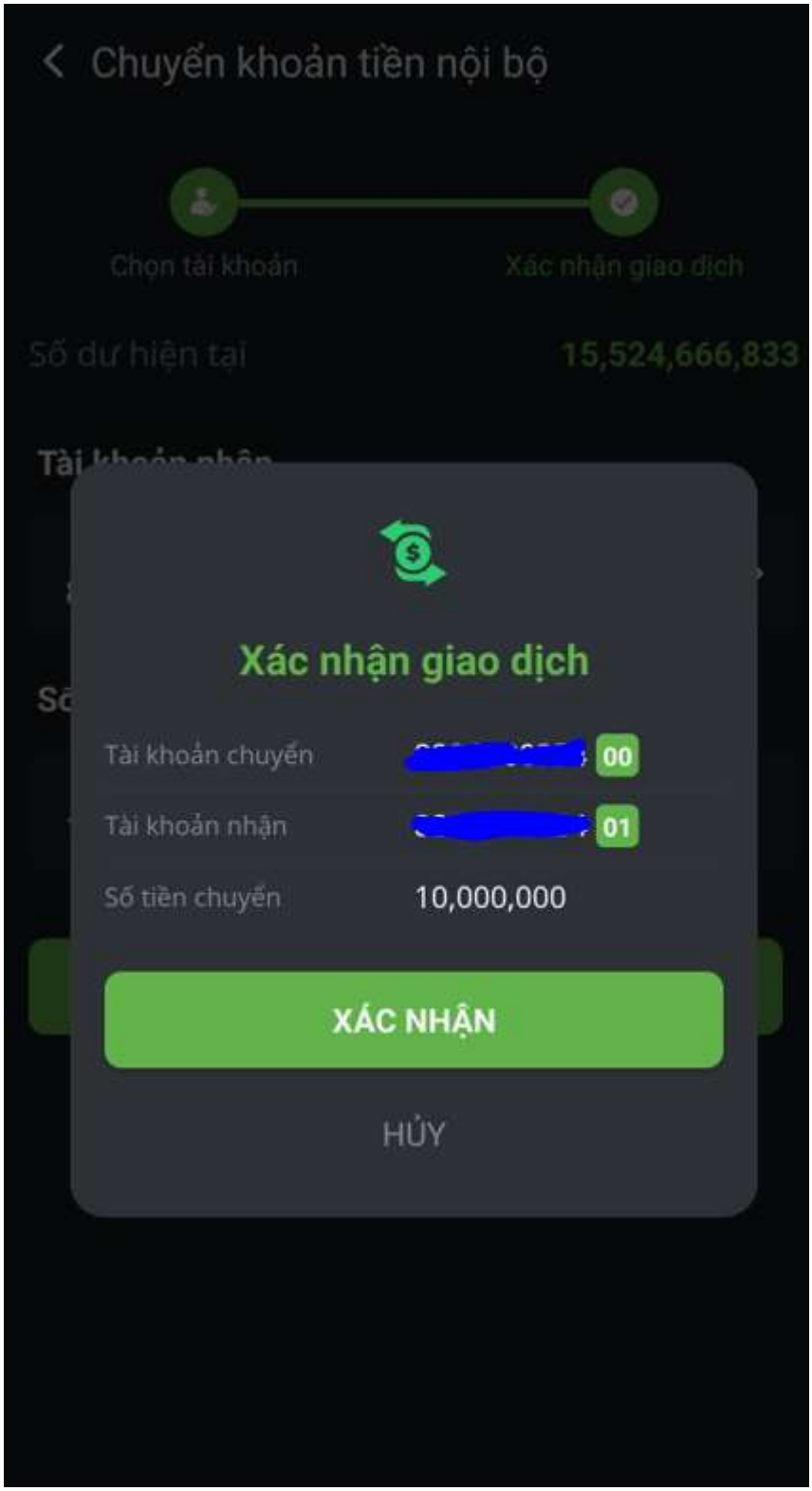

Xác nhận chuyển tiền nội bộ

内部资金转账确认

Bước 1: Nhà đầu tư kiểm tra thông tin

第一步：投资者核对信息

Bước 2: Nhà đầu tư chọn “Xác nhận” để thực hiện giao dịch

第二步：投资者选择“确认”进行交易

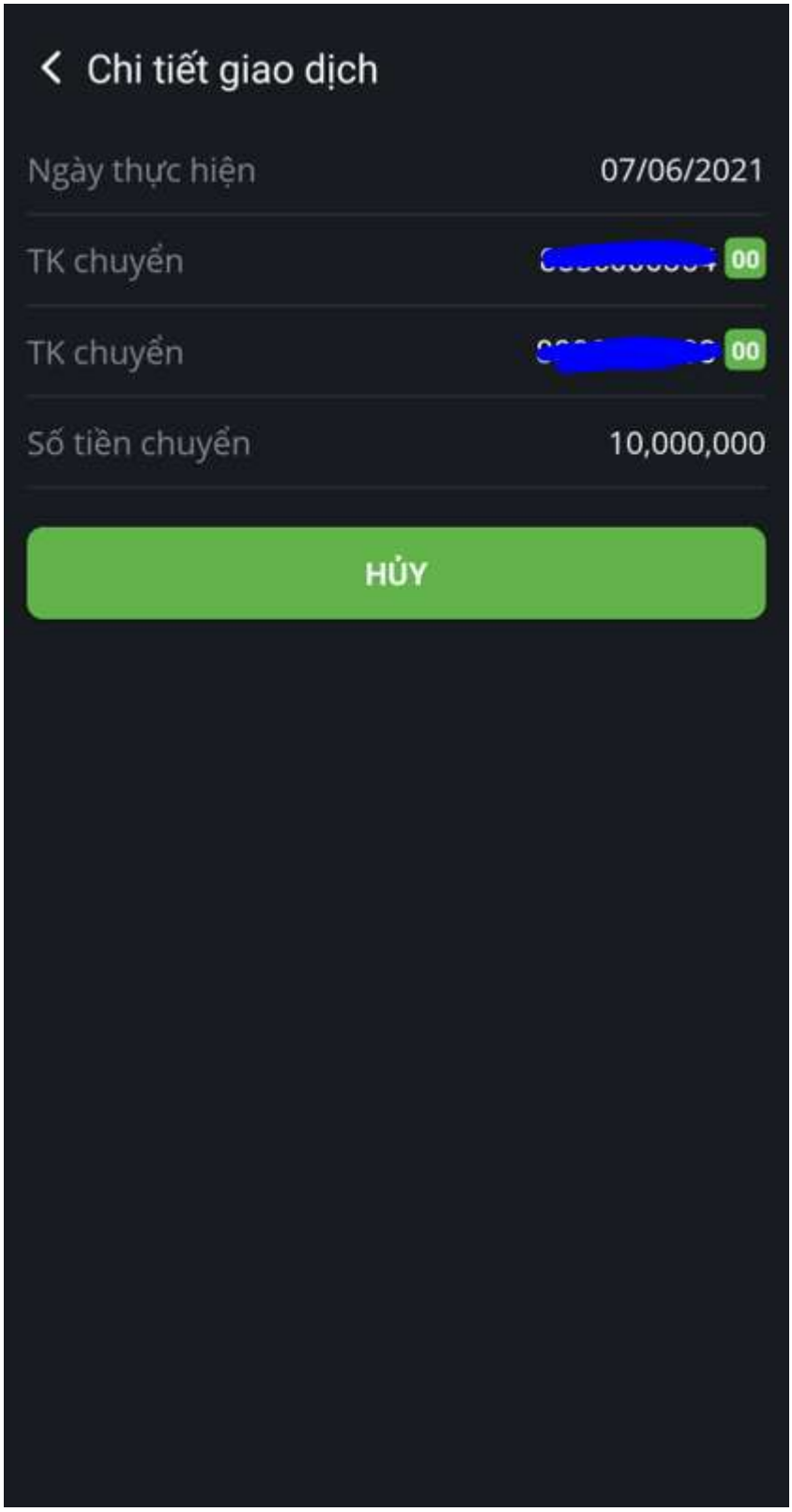	Để hủy giao dịch chuyển tiền Nhà đầu tư chọn “Hủy” để xác nhận hủy giao dịch 取消资金转账 投资者选择“取消”确认交易取消

j. Ứng trước tiền bán chứng khoán 证券预提款

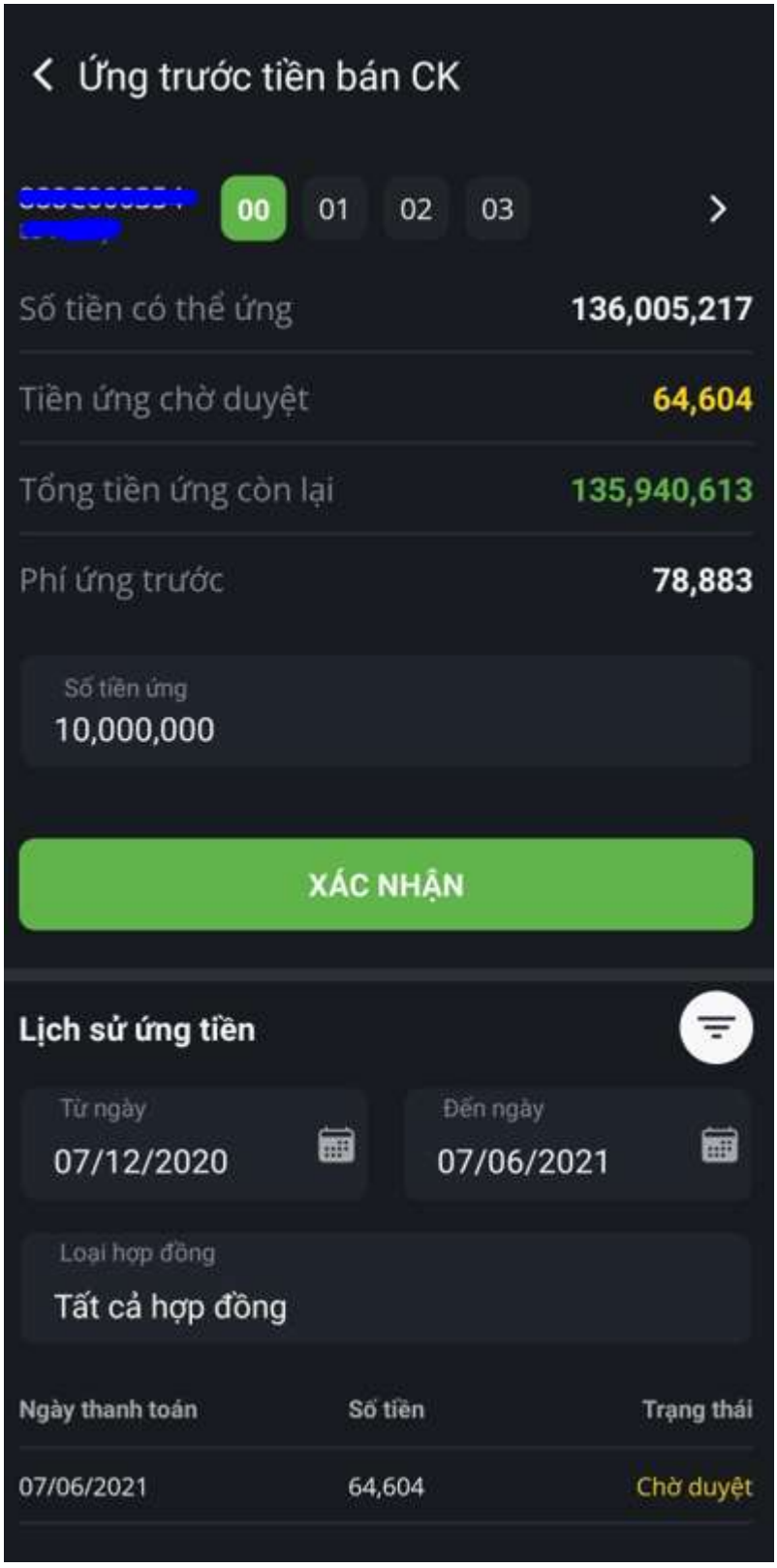

Bước 1: Chọn tài khoản và tiểu khoản tương

第一步：选择要预提款的账户和子账户

Bước 2: Kiểm tra các thông tin

第二步：核对信息

Bước 3: Nhập số tiền ứng trước

第三步：输入预付款金额

Bước 4: Chọn “Xác nhận” để thực hiện ứng trước tiền bán CK

第四步：选择“确认”进行预提款

Nhà đầu tư có thể xem lịch sử ứng tiền tại đây

投资者可以在这里查看预提款历史记录

Chọn một giao dịch bất kỳ để xem chi tiết

选择任何交易以查看详细信息

Chi tiết ứng trước tiền bán

预提款详细信息

Nhà đầu tư có thể touch chọn “Hủy” để hủy giao dịch ứng trước

投资者可以点击“取消”以取消预提款交易

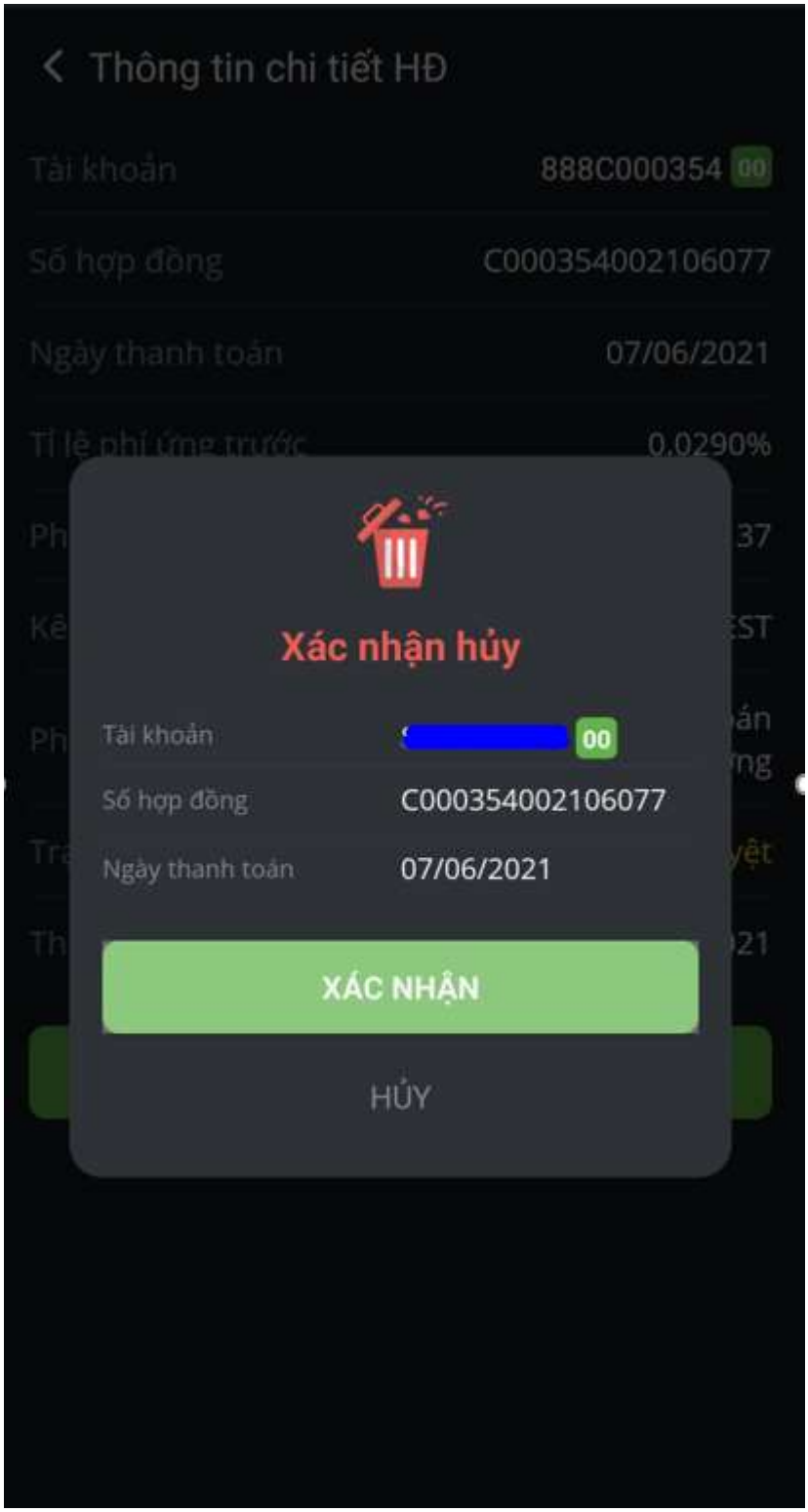	Nhà đầu tư touch “Xác nhận” để thực hiện hủy 投资者点击“确认”取消

k. Hoàn trả hợp đồng vay ký quỹ 融资合同偿还

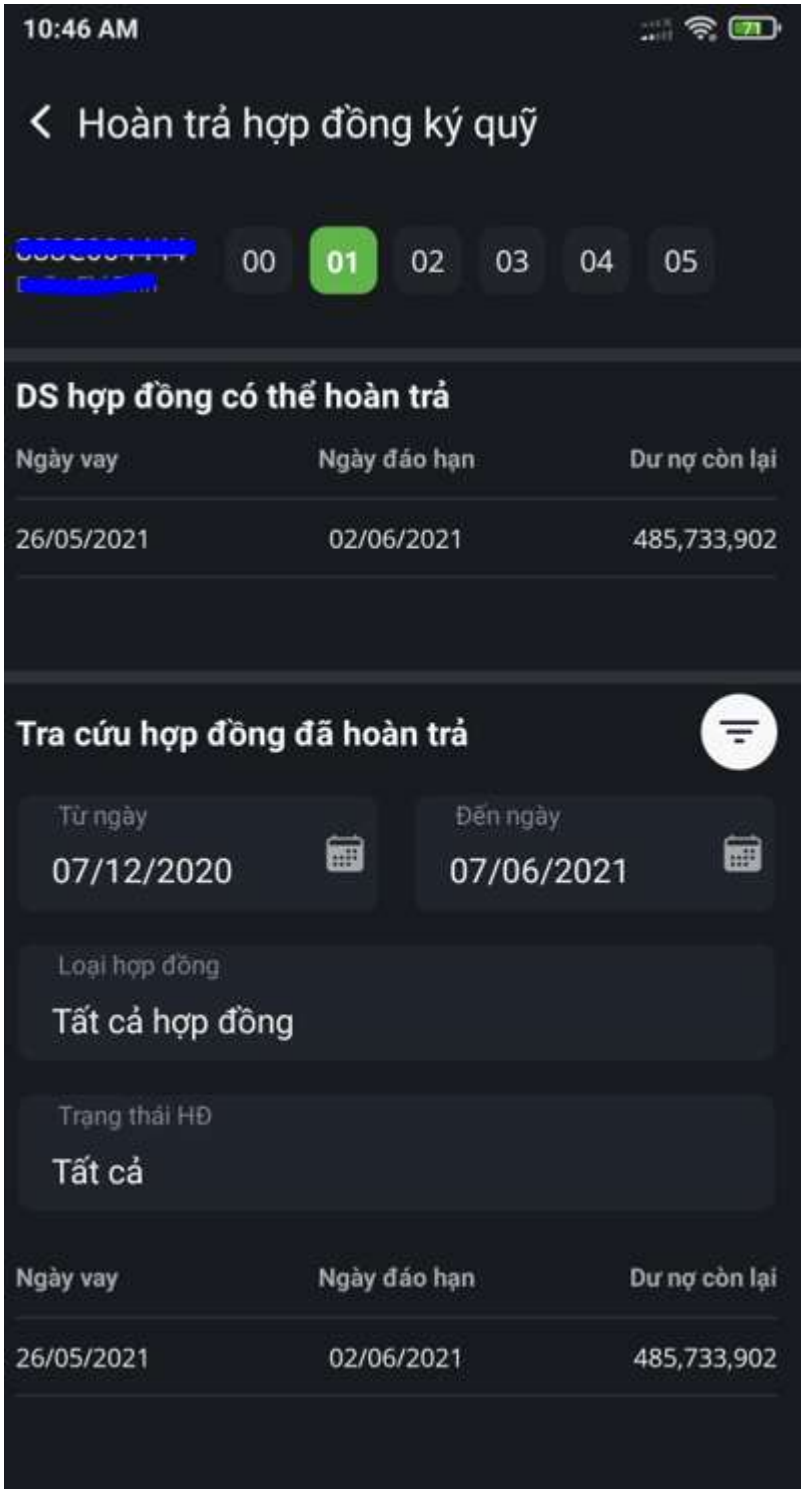

Bước 1: Chọn tài khoản, tiểu khoản tương ứng

第一步：选择对应的账户和子账户

Bước 2: Kiểm tra Danh sách các hợp đồng có thể hoàn trả

第 2 步：检查可退还的融资合同清单

Bước 3: Chọn một hợp đồng để xem chi tiết

Nhà đầu tư có thể tra cứu hợp đồng đã hoàn trả tại đây

第 3 步：选择任何合同以查看详细信息

投资者可在此处查看已退还的合同

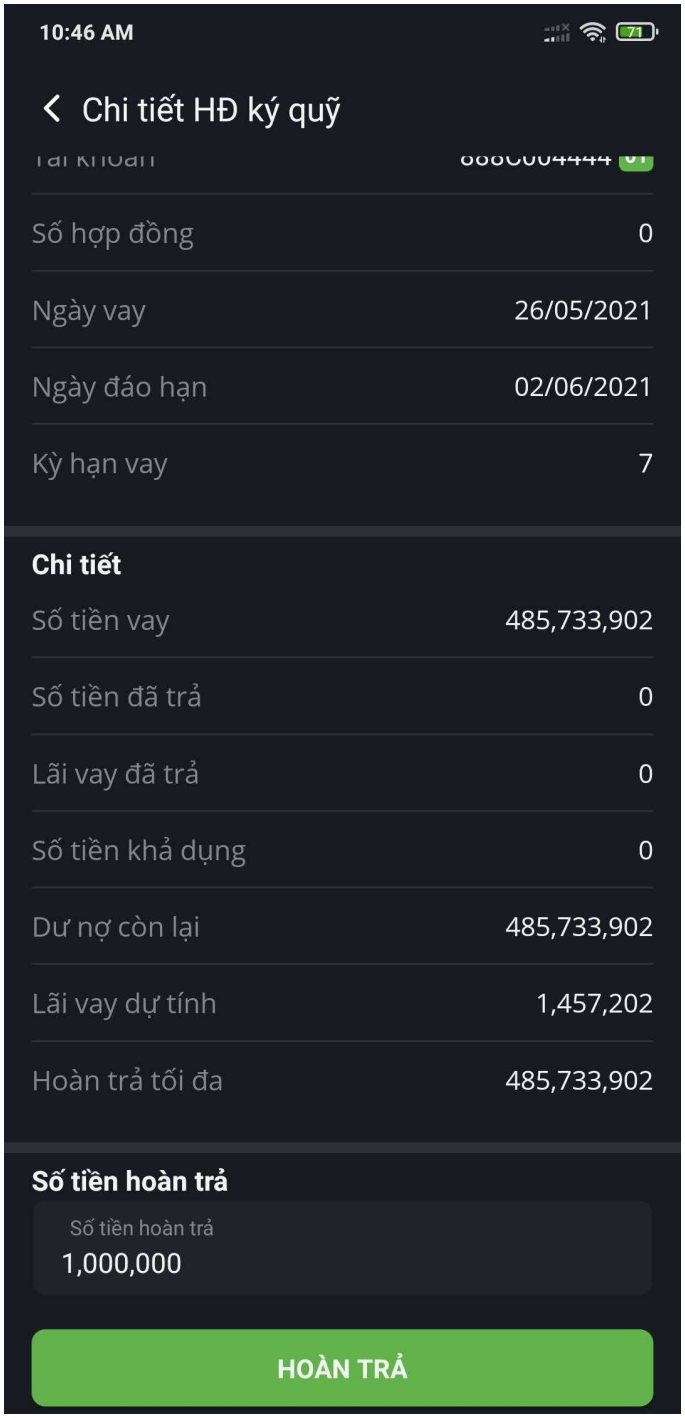

Chi tiết hợp đồng ký quỹ.

融资合同细节

Bước 1: Nhà đầu tư kiểm tra số liệu

第一步：投资者核对数据

Bước 2: Nhà đầu tư nhập số tiền cần hoàn trả

第二步：投资者输入要退还的金额

Bước 3: Nhà đầu tư touch “Hoàn trả” để tiến hành giao dịch

第三步：投资者点击“退还”进行交易

	Bước 4: Nhà đầu tư kiểm tra số liệu và touch “Xác nhận” để tiến hành giao dịch 第四步：投资者核对数据，点击“确认”进行交易

l. Gia hạn hợp đồng ký quỹ 融资合同续签

Bước 1: Chọn tài khoản, tiểu khoản tương ứng

第一步：选择对应的账户和子账户

Bước 2: Kiểm tra Danh sách các hợp đồng có thể gia hạn

第 2 步：检查可续签的合同清单

Bước 3: Chọn một hợp đồng để xem chi tiết

第 3 步：选择任何合同以查看详细信息

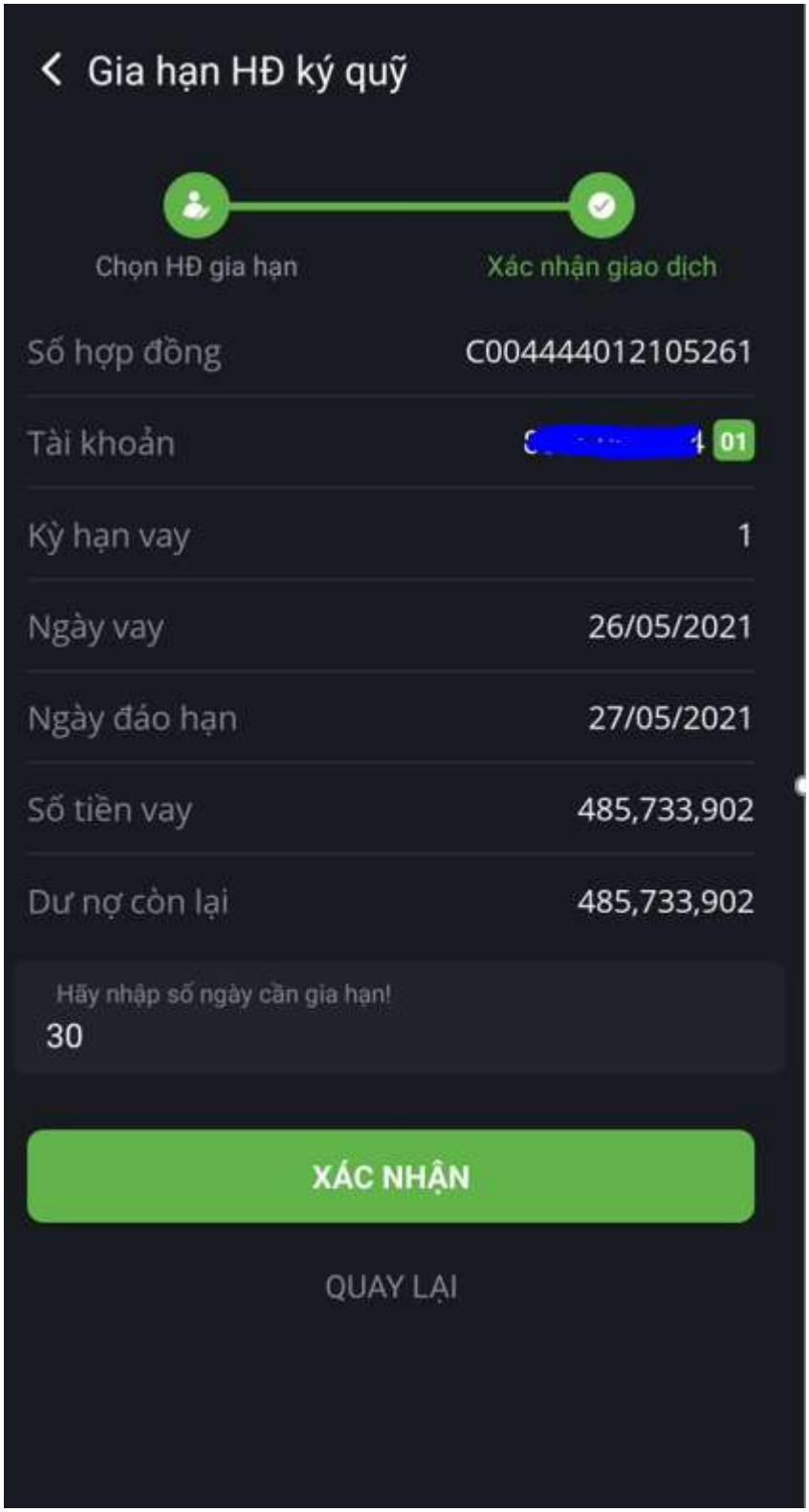

Chi tiết hợp ký quỹ

融资合同详情

Bước 4: Kiểm tra thông tin hợp đồng

第 4 步：查看合同信息

Bước 5: Nhập số ngày cần gia hạn

第 5 步：输入延期天数

Bước 6: Chọn “Xác nhận” để tiến hành gia hạn hợp đồng

第 6 步：选择“确认”继续续签

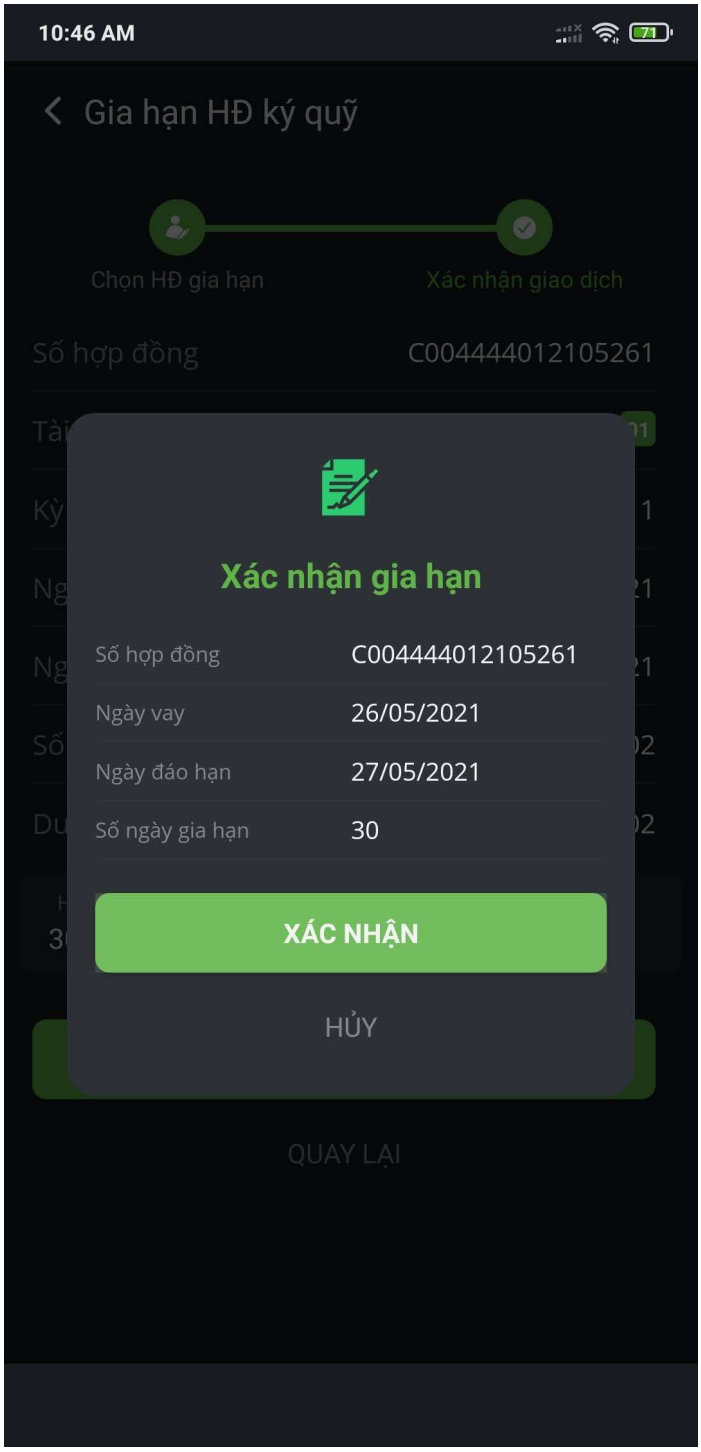	Nhà đầu tư kiểm tra thông tin lần cuối và chọn “Xác nhận” để gia hạn 投资者最后一次查看信息，选择“确认”以续签

m. Sao kê giao dịch 交易记录

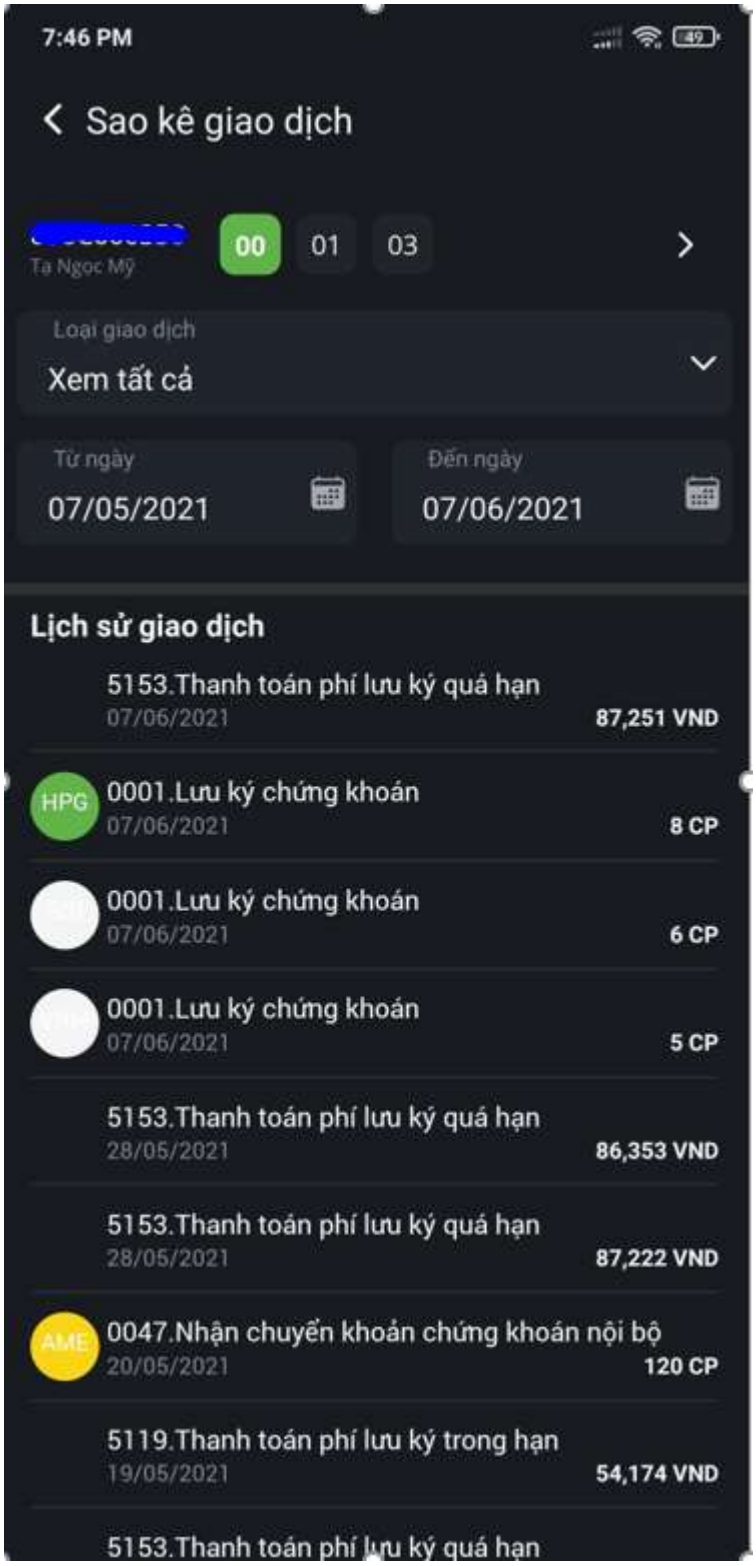

Bước 1: Chọn tài khoản tiểu khoản tương ứng

第一步：选择对应的子账户

Bước 2: Chọn “Loại giao dịch” và khoảng thời gian để tra cứu danh sách sao kê

第二步：选择“交易类型”和时间段，查看交易记录

Bước 3: Chọn một giao dịch bất kỳ để xem chi tiết

第 3 步：选择任何交易以查看详细信息

o. Cài đặt ứng dụng 应用设置

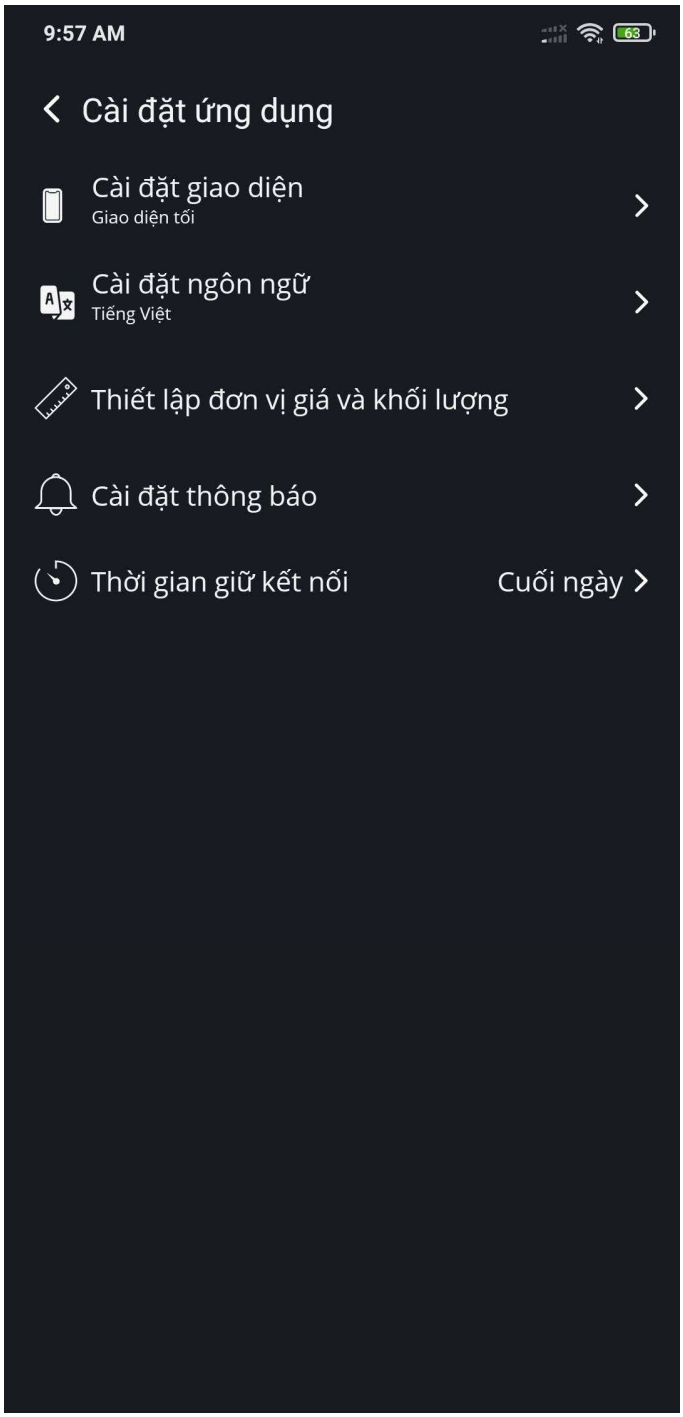

Chọn “Cài đặt giao diện” để thay đổi giao diện ứng dụng

选择“界面设置”更改应用界面

Chọn “Cài đặt ngôn ngữ” để chọn ngôn ngữ hiển thị của ứng dụng

选择“语言设置”以选择应用程序的显示语言

Chọn “Thiết lập đơn vị” để thiết lập các đơn vị tương ứng

选择“设置单位”以设置相应的单位

Chọn “Cài đặt thông báo” để cài đặt cấu hình thông báo

选择“通知设置” 以将通知发给您

Chọn “ Thời gian giữ kết nối” để cài đặt tính năng tự động đăng nhập, đăng xuất

选择“保持连接时间”以设置自动登录和注销功能

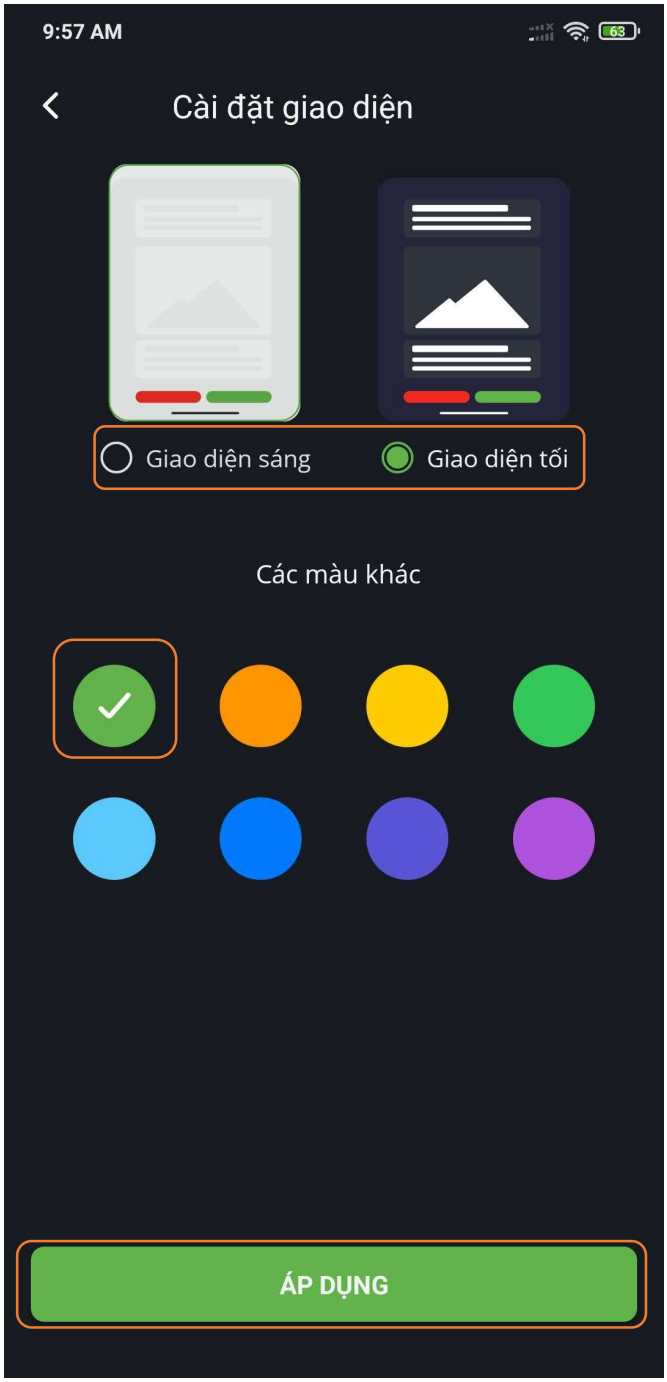

Bước 1: Nhà đầu tư có thể chọn giao diện sáng hoặc tối

第 1 步：投资者可以选择浅色或深色界面

Bước 2: Nhà đầu tư có thể màu chủ đạo

第 2 步：投资者可以是主色

Bước 3: Nhà đầu tư chọn “Áp dụng” để áp dụng các thay đổi vừa chọn

第 3 步：投资者选择“适用”以使用刚更改的选择

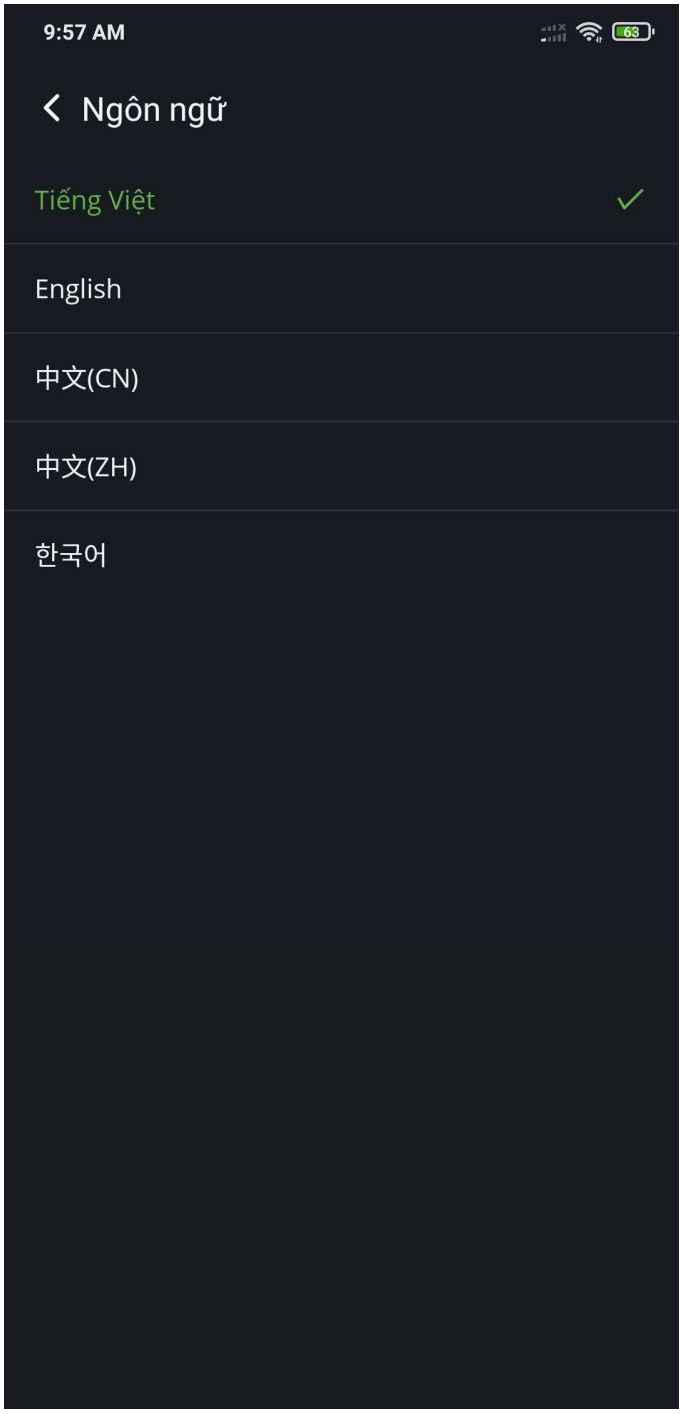	Nhà đầu tư touch vào Tên ngôn ngữ để chọn ngôn ngữ thích hợp 投资者点击语言名称以选择适当的语言

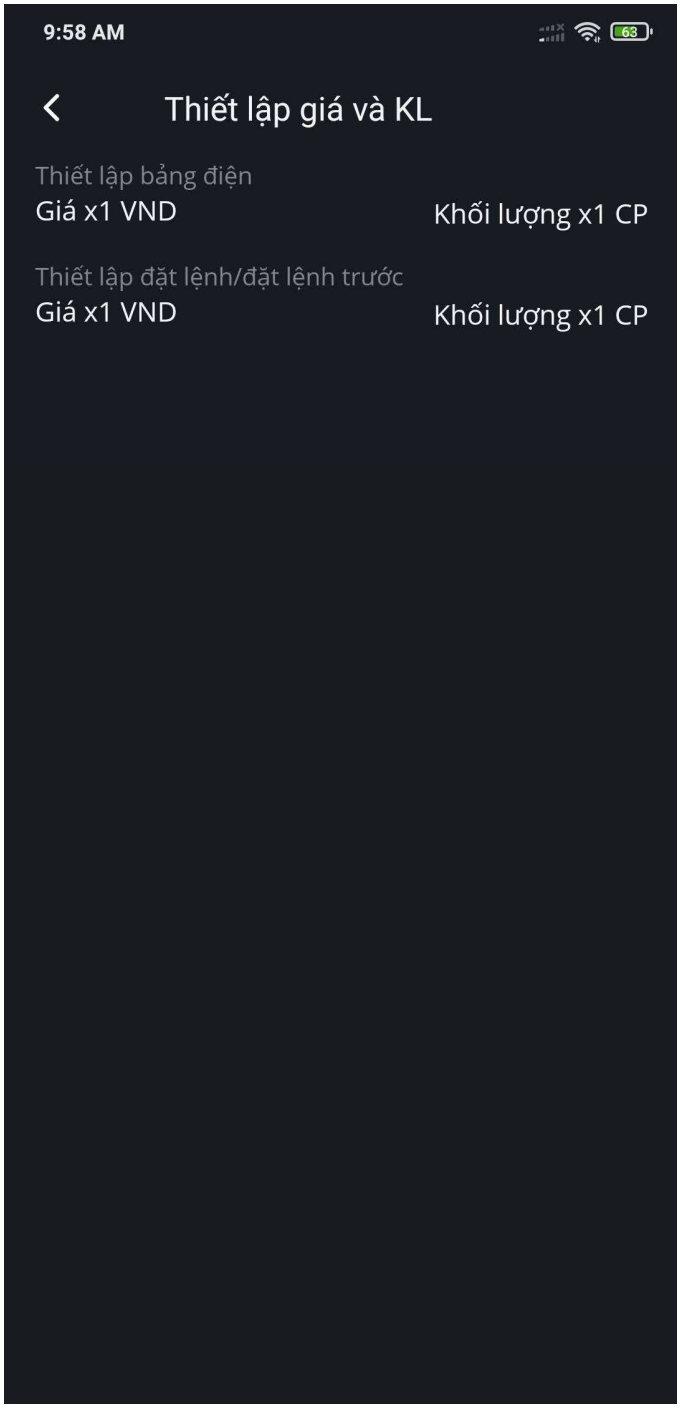	Nhà đầu tư có thể thiết lập đơn vị Giá và Khối lượng cho ứng dụng tại màn hình này 投资者可以在此屏幕上为应用程序设置价格和交易量单位

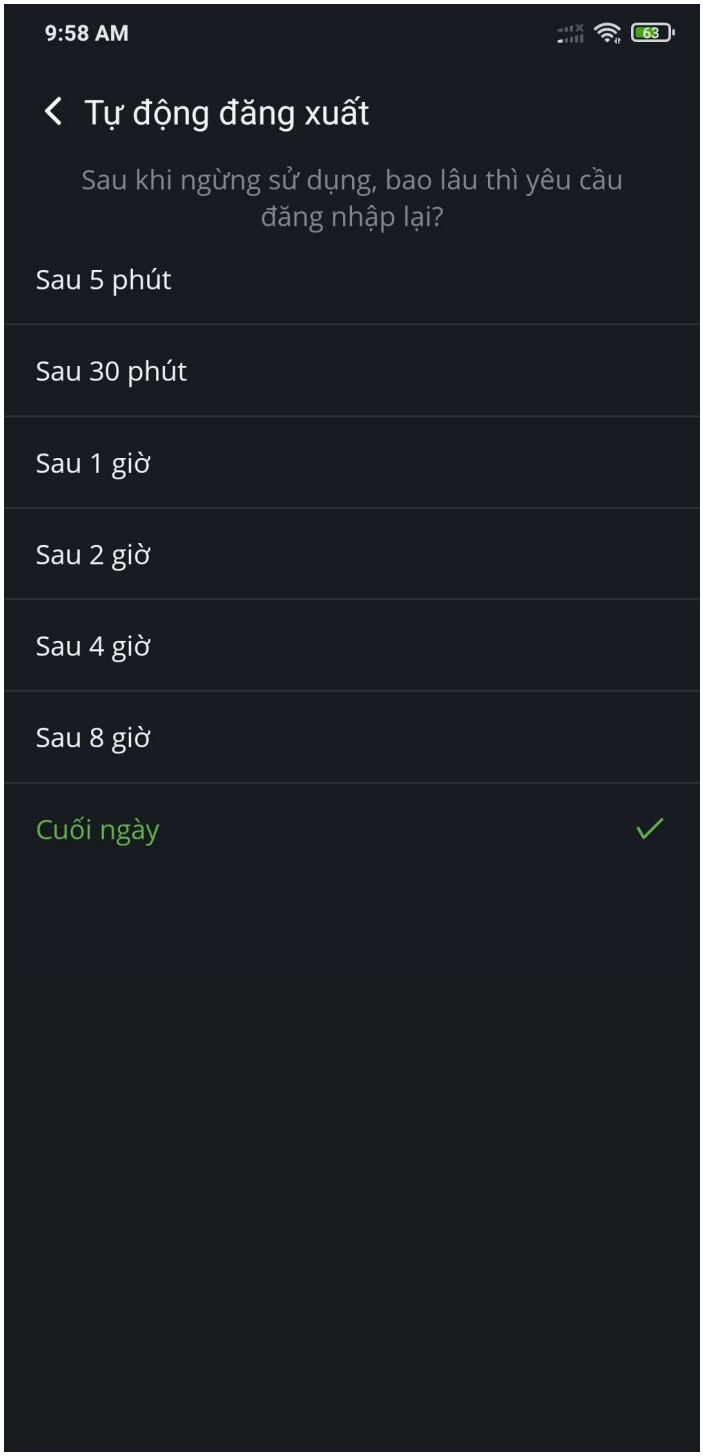	Nhà đầu tư có thể cấu hình thời gian yêu cầu đăng nhập lại ở màn hình này. 投资者可以在此屏幕上配置重新登录所需的时间 Nếu vẫn đang nằm trong thời gian cho phép ứng dụng sẽ tự động đăng nhập mỗi khi mở ứng dụng 如果您仍在允许登录的时间内，应用程序将在您每次打开应用程序时自动登录

p. Về chúng tôi 关于我们公司

Nhà đầu tư có thể kiểm tra Số điện thoại, Email của công ty tại màn hình này

投资者可以在此屏幕上查看公司的电话号码和电子邮件

Thông tin bản " Công bố rủi ro"

"风险公告"信息

Thông tin về " Điều khoản và dịch vụ"

关于"条款和服务"的信息